

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
NGÀNH ĐÀO TẠO: HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ QUẢN LÝ
ĐƠN VỊ CẤP BẰNG: ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Được thành lập từ năm 1906, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là một trong những cơ sở đào tạo bậc đại học nổi tiếng có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời nhất tại Việt Nam với tiền thân là Đại học Đông Dương, ĐHQGHN ngày nay đã trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao hàng đầu trong nước; ngang tầm khu vực, dẫn đầu trình độ quốc tế; đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển của đất nước, phù hợp với xu hướng phát triển giáo dục đại học tiên tiến.

Để đạt mục tiêu trở thành đại học định hướng nghiên cứu, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao, trong đó, một số trường đại học, viện nghiên cứu thành viên thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, công nghệ cao và kinh tế - xã hội mũi nhọn đạt trình độ tiên tiến châu Á, ĐHQGHN không ngừng cải tiến cơ cấu tổ chức, hoàn thiện mô hình hoạt động. Đến thời điểm tháng 3/2017, ĐHQGHN gồm có 7 trường đại học, 7 viện nghiên cứu khoa học, 5 khoa và 2 trung tâm trực thuộc, 12 đơn vị hỗ trợ/dịch vụ và 10 đơn vị thuộc khối cơ quan/văn phòng, trong đó Khoa Quốc tế tự hào là đơn vị thành viên trực thuộc ĐHQGHN, đi đầu và tiên phong trong đào tạo đại học và sau đại học toàn bộ bằng tiếng Anh.

Đội ngũ cán bộ khoa học (CBKH) của ĐHQGHN đông đảo và mạnh nhất trong hệ thống các trường đại học của cả nước.

Hiện nay, trong tổng số 3.997 công chức, viên chức và lao động hợp đồng của ĐHQGHN có 2.212 CBKH, chiếm 55,34% với 1.941 giảng viên, bao gồm: 67 giáo sư, 370 phó giáo sư, 1.131 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, 1.493 thạc sĩ. Phần lớn đội ngũ CBKH của ĐHQGHN là các nhà khoa học đầu ngành, đầu đàn có uy tín lớn ở trong và ngoài nước về các ngành, chuyên ngành thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ngoại ngữ, công nghệ, kinh tế, luật, giáo dục... Tỷ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học đạt 49,5%, tỉ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ dưới 45 tuổi đạt 30,2%; tỷ lệ CBKH có chức danh giáo sư, phó giáo sư đạt 19,8%, cao gấp hơn 3 lần so với tỷ lệ trung bình của cả nước. Tỷ lệ CBKH có bài báo, công trình khoa học được đăng hoặc công bố trong các tạp chí khoa học, kỷ yếu và hội thảo quốc tế đạt 43,3%.

ĐHQGHN đang triển khai 126 chương trình đào tạo đại học và 131 chương trình đào tạo thạc sỹ và 107 chương trình đào tạo tiên sỹ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, công nghệ, khoa học xã hội nhân văn, kinh tế, giáo dục, ngoại ngữ... Quy mô đào tạo được giữ ổn định ở mức hơn 30.000 sinh viên/học viên/nghiên cứu sinh, trong đó đào tạo đại học chiếm khoảng 70%.

Với những tiềm năng, thế mạnh cùng các thành tựu đã đạt được, ĐHQGHN đã và đang khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo không chỉ trong nước mà còn trên bình diện quốc tế. Theo bảng xếp hạng các trường Đại học Châu Á của tổ chức xếp hạng giáo dục QS năm 2017, ĐHQGHN hiện xếp hạng 1 tại Việt Nam và hạng 139 Châu Á.

CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

THÔNG TIN CHUNG

<i>Ngành đào tạo:</i>	<i>Hệ thống thông tin quản lý (mã xét tuyển: QHQ03)</i>
<i>Thời gian đào tạo:</i>	<i>Dự kiến 4 năm</i>
<i>Ngôn ngữ đào tạo:</i>	<i>Tiếng Anh (toàn bộ khối kiến thức ngành)</i>
<i>Mô hình đào tạo:</i>	<i>Học toàn phần tại Khoa Quốc tế</i>
<i>Văn bằng:</i>	<i>Bằng cử nhân hệ chính quy do Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) cấp.</i>

Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý được ban hành theo Quyết định số 1025/QĐ-ĐHQGHN ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN và được giao cho Khoa Quốc tế tổ chức đào tạo theo Quyết định số 2142/QĐ-ĐT ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN. Chương trình được ĐHQGHN phê duyệt thành chương trình chất lượng cao theo đặc thù đơn vị theo Quyết định số 3345/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/10/2016. được điều chỉnh, cập nhật nội dung theo Quyết định số 2930/QĐ-ĐHQGHN của ĐHQGHN ngày 18 tháng 9 năm 2019.

Chương trình đào tạo ngành Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý là chương trình đào tạo bằng tiếng Anh, khung chương trình, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá theo chuẩn giáo dục quốc tế, được thiết kế trên cơ sở chương trình đào tạo của một số trường đại học uy tín như Đại học East London (Anh), Đại học Quản lý Singapore (SMU), Đại học bang Pennsylvania (Hoa Kỳ) được đào tạo bằng tiếng Anh với tỉ lệ giảng viên nước ngoài tham gia giảng dạy chiếm 25-30% khối thức

ngành và chuyên ngành. Khoa Quốc tế luôn cố gắng đảm bảo 100% giáo trình, tài liệu tham khảo cho khối kiến thức ngành và chuyên ngành là các học liệu đang được sử dụng ở các trường đại học nước ngoài. Chất lượng đầu ra đạt chuẩn của các trường đại học tiên tiến nước ngoài.

Các sinh viên 3 khoá đầu tiên của chương trình cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý của Khoa Quốc tế - ĐHQGHN tỏ ra sức năng động, nhiều sinh viên năm thứ ba đã tích cực đi thực tập, làm quen với môi trường công việc ở doanh nghiệp, tham gia cùng các thầy cô trong các đề tài nghiên cứu mang tính ứng dụng cao vào thực tiễn.

CHUẨN ĐẦU RA (*bản Ma trận mô tả Chuẩn đầu ra đính kèm*)

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

1.1. Kiến thức chung

Về mặt chính trị, sinh viên tốt nghiệp hiểu rõ các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin; nắm vững đường lối chính trị, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới; thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.

Về tiếng Anh và tin học, sinh viên tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc, học tập và nghiên cứu, có khả năng sử dụng tin học thành thạo làm nền tảng để làm việc trong môi trường công nghệ cao.

Với kiến thức quốc phòng, an ninh, sinh viên hiểu rõ đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng của Đảng và Nhà nước, nắm được những kỹ năng cơ bản về quân sự, tác nghiệp và các kỹ thuật liên quan. Sinh viên có thể vận dụng được các kiến thức khi tham gia công tác bảo vệ an ninh quốc gia trong trường hợp cần thiết.

Với các kiến thức về giáo dục thể chất, sinh viên nắm và vận dụng được các nguyên tắc tập luyện, thi đấu để có được một sức khỏe tốt, tinh thần sảng khoái để làm việc hiệu quả và tham gia vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

Sinh viên tốt nghiệp thể hiện và vận dụng được nhận thức của mình về nền tảng khoa học chung, đặc biệt là các lĩnh vực toán học, kiến trúc máy tính, hệ thống mạng máy tính, tâm lý học, làm nền tảng cho việc nghiên cứu các học phần chuyên ngành và các vấn đề quản lý thông tin trong thực tế làm việc; Nắm vững vai trò của các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn và kinh tế trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong thời đại kỹ thuật số, hội nhập và toàn cầu hóa.

1.3. Kiến thức của khối ngành

Sinh viên tốt nghiệp nắm vững và vận dụng được kiến thức của *khối ngành Kinh doanh và Quản lý* về các học thuyết và qui luật kinh tế, cách thức vận hành của thị trường, vai trò tác động của chính phủ đối với nền kinh tế để phân tích, ra quyết định kinh doanh, đầu tư; Vận dụng được những vấn đề cơ bản, cốt lõi của Luật pháp và Đạo đức trong kinh doanh.

1.4. Kiến thức của nhóm ngành

Sinh viên tốt nghiệp nắm và vận dụng được kiến thức đặc thù cơ bản của *nhóm ngành Quản trị – Quản lý* về phân tích các tổ chức và quản trị kinh doanh, các hệ thống thông tin trong tổ chức, các phương pháp định lượng trong quản lý, cơ sở dữ liệu trong phân tích kinh doanh; Nắm vững lập trình cơ bản, tạo lập và thiết kế Web, nắm vững và vận dụng công nghệ internet, kiến trúc ứng dụng Web cũng như sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng internet.

Ngoài ra, sinh viên có thể tự chọn một số học phần để nắm vững và vận dụng các khái niệm đạo đức trong kinh doanh, các qui định của pháp luật về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ.

1.5. Kiến thức ngành

Sinh viên tốt nghiệp nắm vững và vận dụng được các kiến thức của *ngành Hệ thống thông tin quản lý* như mô hình hóa và thiết kế hệ thống thông tin, các hệ thống thông tin quản lý và doanh nghiệp, quản trị dự án, phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định, phát triển các hệ thống hướng đối tượng và các nguyên lý an toàn thông tin; nắm và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu của ngành như thiết kế đa phương tiện và phát triển web, lập kế hoạch và hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh, thương mại, tài chính – ngân hàng; có khả năng phân tích, sáng chế, đánh giá và ra quyết định trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động trong các lĩnh vực chuyên sâu của ngành (theo một trong bốn nhóm môn chuyên sâu lựa chọn): quản lý hệ thống thông tin, quản lý thông tin tài chính, quản lý thông tin marketing hay quản lý thông tin bất động sản; nắm và vận dụng được các kiến thức bổ trợ về phương pháp nghiên cứu, lãnh đạo và xây dựng đội ngũ, về lập trình cơ bản và nâng cao.

2. Chuẩn đầu ra về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

2.1.1 Các kĩ năng nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp thu nhận và phát triển được những kĩ năng phù hợp và chuyên nghiệp về thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống quản lí – quản trị nói chung và các hệ thống thông tin quản lí nói riêng như: lập kế hoạch và mô hình hóa, phát triển các hệ cơ sở dữ liệu, xây dựng thuật toán và lập trình, khai phá dữ liệu, quản trị dự án và quản trị hoạt động, phân tích và xây dựng các hệ hỗ trợ ra quyết định cho quản lí và kinh doanh; có các kĩ năng chuyên sâu về tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và kinh doanh; và đặc biệt là kĩ năng sử dụng tiếng Anh thành thạo phục vụ công việc trong môi trường công nghệ cao và hội nhập kinh tế.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

Sinh viên tốt nghiệp có năng lực phân tích và nhận diện vấn đề; tìm kiếm và phân tích thông tin một cách khoa học để đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp giải quyết vấn đề; có năng lực tư duy và lập luận logic, khoa học trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Sinh viên có khả năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu và khám phá kiến thức mới; có cách nhìn phản biện, phê phán với các kiến thức hiện tại; chủ động trong việc ứng dụng kiến thức mới, công nghệ mới vào công việc; khả năng thích ứng cao với môi trường hoạt động.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng phân tích vấn đề một cách logic, có so sánh, đối chiếu với các vấn đề khác, các yếu tố khác của hệ thống; có khả năng nhìn nhận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau và phân tích vấn đề trong mối tương quan với các yếu tố khác trong hệ thống, có khả năng tư duy giải quyết vấn đề một cách hệ thống: hình thành ý tưởng, thiết kế, vận hành và triển khai.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng nhận diện các yếu tố tác động từ bên ngoài để hiểu bối cảnh hoạt động; đánh giá các tác động của các yếu tố đó đến cơ sở hoạt động và ngành nghề; từ đó thích nghi với sự thay đổi của ngoại cảnh và chủ động trước

những biến động của bối cảnh xã hội. Sinh viên cũng hiểu được ảnh hưởng của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề, hiểu được các ràng buộc đến từ văn hóa dân tộc, bối cảnh lịch sử, các giá trị thời đại và bối cảnh toàn cầu đối với nghề nghiệp của mình.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

Sinh viên tốt nghiệp nắm được các kỹ năng phân tích, đánh giá tổ chức nơi mình làm việc trên các phương diện như văn hoá tổ chức, chiến lược phát triển của tổ chức, mục tiêu, kế hoạch của tổ chức, mối quan hệ giữa cấu trúc của tổ chức và cấu trúc của hệ thống thông tin quản lý, quan hệ giữa đơn vị với công việc đảm nhận để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc và làm việc thành công trong đơn vị.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, khả năng phát hiện và xây dựng các giải pháp công nghệ và quản lý giải quyết hợp lý các vấn đề trong nghề nghiệp.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có khả năng nghiên cứu, cải tiến, đổi mới, sáng chế, phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, có khả năng quản trị và dẫn dắt thay đổi – đổi mới, cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng hiệu quả về học và tự học; quản lý thời gian và tự chủ trong học tập và trong công việc; chủ động nhận diện, phân tích và thích ứng với sự phức tạp của thực tế; kỹ năng quan sát và học hỏi từ thực tiễn, từ kinh nghiệm của những cá nhân khác để học tập suốt đời.

2.2.2. Làm việc theo nhóm

Sinh viên làm chủ được kỹ năng tổ chức làm việc nhóm như hình thành nhóm, hoạch định hoạt động nhóm, lãnh đạo và tạo động lực cho nhóm, duy trì hoạt động nhóm, phát triển nhóm và các kỹ năng làm việc trong nội bộ nhóm và với các nhóm khác.

2.2.3. Quản lý và lãnh đạo

Sinh viên tốt nghiệp thu nhận được các kỹ năng phù hợp về quản lý và lãnh đạo như lập mục tiêu hoạt động, phân công nhiệm vụ trong đơn vị, hướng dẫn hoạt động, tạo động lực cho từng cá nhân, kiểm soát và đánh giá hoạt động của đơn vị; khả năng đàm phán, thuyết phục và ra quyết định trên nền tảng có trách nhiệm với xã hội và tuân theo luật pháp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

Sinh viên tốt nghiệp sẽ có các kỹ năng cần thiết để giao tiếp hiệu quả trong công việc, bao gồm: lập luận, sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản và các phương tiện truyền thông, thuyết trình, giao tiếp với các cá nhân và tổ chức.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

Sinh viên có kỹ năng sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công việc, trong giao tiếp với các cá nhân, tổ chức bằng văn bản hay giao tiếp trực tiếp (trình độ tiếng Anh tương đương 6.5 IELTS).

2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác

Sinh viên nắm vững và thành thạo các kỹ năng mềm khác như soạn thảo văn bản, thuyết trình, quản lý mail...

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

Sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức tốt, các phẩm chất cá nhân phù hợp như sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê, tự chủ, chính trực, phản biện, mong muốn cải tiến và đổi mới, sáng tạo, có trách nhiệm và chủ động trong công việc.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có đạo đức nghề nghiệp tốt, có hành vi, ứng xử chuyên nghiệp, độc lập, chủ động, có ý thức về quyền sở hữu trí tuệ, về bảo mật và an toàn thông tin, có thái độ nghiêm túc, nhiệt tình với công việc, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Sinh viên có ý thức chấp hành pháp luật, có trách nhiệm xã hội, ủng hộ và bảo vệ cái đúng và sự phát triển đổi mới, có lập trường chính trị vững vàng và có ý thức phục vụ nhân dân, xây dựng và bảo vệ đất nước.

4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để đảm nhận các vị trí việc làm sau:

- Chuyên viên nghiên cứu, tham gia hoạch định chính sách, phát triển dự án về ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin quản lý và kinh doanh tại các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và doanh nghiệp;
- Chuyên viên phân tích phân tích, thiết kế các hệ thống quản lý và kinh doanh, chuyên gia tư vấn phát triển kinh doanh và ứng dụng công nghệ thông tin trong các dịch vụ ngân hàng, chuyên gia thiết kế và vận hành các hệ thống kinh doanh / hỗ trợ ra quyết định / quản trị tri thức;
- Chuyên viên quản trị hạ tầng công nghệ thông tin cho các hệ thống thông tin quản lý và kinh doanh, chuyên gia tư vấn về công nghệ và tích hợp hệ thống, chuyên viên điều hành kỹ thuật các hệ thống thông tin doanh nghiệp, chuyên viên điều hành thương mại điện tử, chuyên viên phân tích kinh doanh điện tử.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển và sáng chế đổi mới phần mềm và các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh; Hoạch định, triển khai và quản lý các hoạt động và hệ thống kinh doanh độc lập của riêng mình và tự nâng cao trình độ.

CƠ HỘI CHUYỂN TIẾP

Sinh viên có cơ hội chuyển tiếp sang các trường đại học danh tiếng tại Anh, Úc, Mỹ, Đài Loan.

Thông tin chi tiết xem tại www.chuyentiep.khoaquocte.vn

ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- 1) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- 2) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- 3) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- 4) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng-an ninh, Kỹ năng bổ trợ, và Giáo dục thể chất.
- 5) Có chứng chỉ Ngoại ngữ đáp ứng quy định về chuẩn đầu ra, tiếng Anh tối thiểu đạt IELTS 5.5 hoặc bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương .
- 6) Không còn nợ học phí.
- 7) Không còn nợ sách, giáo trình của thư viện hoặc tài sản khác của Khoa.

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý được thiết kế với tổng khối lượng kiến thức phải tích lũy là 145 tín chỉ (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ), trong đó:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)	145 tín chỉ
- Khối kiến thức chung: (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)	21 tín chỉ
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	25 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	08 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	26 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	20 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	6/10 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	65 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	30 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	06/18 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn kiến thức bổ trợ:	04/10 tín chỉ
+ Các học phần định hướng chuyên sâu:	15 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

Khung chương trình chi tiết

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung <i>(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh)</i>	21				
1	PHI1006	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	20	10	0	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Revolutionary Guidelines of Vietnam Communist Party</i>	2	20	10	0	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	20	10	0	
6	FLF1107	Tiếng Anh B1 (*) <i>English B1</i>	5	20	35	20	
7	FLF1108	Tiếng Anh B2 (*) <i>English B2</i>	5	20	35	20	
8		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
9		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		25				
10	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1</i>	4	30	30	0	
11	INS2020	Lập trình 1 <i>Programming 1</i>	3	30	15	0	
12	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28	0	
13	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	45	15	0	
14	MAT1004	Lí thuyết xác suất và thống kê toán <i>Theory of Probability and Mathematical Statistics</i>	3	27	18	0	
15	INS1004	Đại cương về mạng máy tính <i>Introduction to Computer Networks</i>	4	36	24	0	
16	PSY1050	Tâm lí học đại cương <i>Introduction to Psychology</i>	2	24	6	0	



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
17	INS1051	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lí <i>Introduction to Management Information Systems</i>	2	15	15	0	
III	Khối kiến thức theo khối ngành		08				
18	THL1057	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Law</i>	2	24	6	0	
19	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	36	9	0	
20	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	36	9	0	
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		26				
IV.1	Các học phần bắt buộc		20				
21	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3	36	9	0	INE1050
22	INS3050	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	3	27	18	0	INS2020
23	INS2037	Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh <i>Business Information Systems and Processes</i>	3	27	18	0	INT1004



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
24	INS2051	Các phương pháp định lượng trong quản lí <i>Quantitative Methods for Management</i>	3	27	18	0	MAT1004
25	INS2053	Tạo lập và quản lí Web <i>Web Authoring and Web Management</i>	4	36	24	0	INT1004
26	INS2055	Các hệ cơ sở dữ liệu <i>Database Systems</i>	4	36	24	0	INT1004
IV.2	Các học phần tự chọn		06/18				
27	INS2060	Đổi mới công nghệ thông tin và kinh doanh <i>IT and Business Innovation</i>	3	27	18	0	INS2019
28	INS2058	Quyền sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Rights</i>	3	27	18	0	THL1057
29	INS2023	Quản trị hoạt động <i>Operations Management</i>	3	36	9	0	INS2019
30	INS2061	Khai phá dữ liệu và phân tích kinh doanh <i>Data Mining and Business Analytics</i>	3	27	18	0	MAT1004 INS2055

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
31	INS2062	Mobile và công nghệ điện rộng <i>Mobile and Pervasive Technology</i>	3	27	18	0	INT1004
32	INS3034	Khung kiến trúc Dot Net <i>Dot Net Framework</i>	3	27	18	0	INS2020
V	Khởi kiến thức ngành		65				
V.1	Các học phần bắt buộc		30				
33	INS3070	Quản lí các hệ thống thông tin <i>Information Systems Management</i>	3	27	18	0	INS2037
34	INS3035	Lập trình Java <i>Java Programming</i>	3	27	18	0	INS2020
35	INS3056	Mô hình hóa và thiết kế các hệ thống thông tin <i>Information Systems Modeling and Design</i>	3	27	18	0	INS2037 INS2055
36	INS3044	Quản trị dự án công nghệ thông tin <i>IT Project Management</i>	3	27	18	0	
37	INS3066	Các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp <i>Enterprise Business Solutions</i>	3	27	18	0	



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
38	INS3061	Các hệ thống thông tin doanh nghiệp <i>Enterprise Information Systems</i>	3	27	18	0	INS2019 INS2037
39	INS3062	Các nguyên lý an toàn thông tin <i>Principles of Information Security</i>	3	27	18	0	INS2037
40	INS3063	Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định <i>Enterprise Analytics for Decision Support</i>	3	27	18	0	MAT1004
41	INS3009	Khởi nghiệp <i>Entrepreneurship</i>	3	45	0	0	INS2019
42	INS3064	Thiết kế đa phương tiện và phát triển Web <i>Multimedia Design and Web Development</i>	3	27	18	0	INS2053 INS2020
V.2	Các học phần tự chọn		06/18				
43	INE3060	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3	27	18	0	INS2019
44	INS3060	Phát triển cơ sở dữ liệu nâng cao <i>Advanced Database Development</i>	3	27	18	0	INS2055



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
45	INS3057	Lập kế hoạch và hạ tầng công nghệ thông tin <i>Information Technology Planning and Infrastructure</i>	3	27	18	0	INS2037 INS3044
46	INS3067	Các quy trình và công nghệ ngân hàng bán lẻ <i>Retailing Banking Processes and Technology</i>	3	27	18	0	INS2061 INS3070
47	INS3068	Các quy trình và công nghệ thanh toán điện tử <i>E-Payment Processes and Technology</i>	3	27	18	0	INS2062 INS3070
48	INS3071	Thương mại mobile <i>Mobile Commerce</i>	3	30	15	0	INS2062 INS3070
V.3	Các học phần tự chọn kiến thức bổ trợ		04/10				
49	INS2065	Các công nghệ dựa trên nền công nghệ thông tin <i>Computer Based Technologies</i>	2	18	12	0	INT1004
50	INS1005	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ thông tin <i>IT Research Methods</i>	2	18	12	0	
51	INS2059	Lãnh đạo và xây dựng đội ngũ <i>Leadership and Team Building</i>	2	18	12	0	



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
52	INS2022	Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lí trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2	27	03	0	THL1057
53	SOC1050	Xã hội học đại cương <i>Introduction to Sociology</i>	2	24	6	0	
V.4	Các nhóm học phần chuyên sâu lựa chọn		15/60				
V.4.1	Quản lí hệ thống thông tin		15				
54	INS3069	Các hệ hỗ trợ ra quyết định <i>Decision Support Systems</i>	3	30	15	0	INS2061 INS3063
55	INS3074	Các hệ thống thông tin toàn cầu <i>Global Information Systems</i>	3	30	15	0	INS3056
56	INS3045	An ninh mạng <i>Network Security</i>	3	30	15	0	INS3062
57	INS3073	Kho dữ liệu và phân tích kinh doanh <i>Data Warehousing and Business Analytics</i>	3	30	15	0	INS3063
58	INS3080	Trí tuệ nhân tạo <i>Artificial Intelligence</i>	3	30	15	0	INS3061
V.4.2	Quản lí thông tin trong tài chính		15				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
59	INS2015	Tài chính căn bản <i>Fundamentals of Finance</i>	3	30	15	0	INE1051
60	INS3007	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	30	15	0	INS2015
61	INS3029	Thị trường và các thể chế tài chính <i>Financial Market and Institutions</i>	3	30	15	0	INS2015
62	INS3032	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	36	9	0	INS2015
63	FIB3005	Đầu tư và quản lý danh mục đầu tư <i>Investment and Portfolio Management</i>	3	30	15	0	INS2015
V.4.3	Quản lý thông tin trong Marketing		15				
64	INS2003	Nguyên lý Marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	36	9	0	
65	INS3041	Chiến lược Marketing <i>Marketing Strategy</i>	3	30	15	0	INS2003
66	INS3042	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	30	15	0	INS2003



STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
67	BSA3014	Marketing dịch vụ <i>Services Marketing</i>	3	27	18	0	INS2003
68	BSA3012	Nghiên cứu Marketing <i>Marketing Research</i>	3	30	15	0	INS2003
V.4.4	Quản lí thông tin trong bất động sản						
69	INS2050	Các nguyên lí bất động sản cơ bản <i>Principles of Real Estate</i>	3	30	15	0	INE1050 THL1057
70	INS3051	Quản trị bất động sản <i>Real Estate Management</i>	3	30	15	0	INS2050
71	INS3052	Các thị trường vốn bất động sản <i>Real Estate Capital Markets</i>	3	30	15	0	INS2050
72	INS3053	Bất động sản quốc tế <i>International Real Estate</i>	3	30	15	0	INS2050
73	INS3081	Đầu tư bất động sản <i>Real Estate Investment</i>	3	30	15	0	INS2050
V.5	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		10				
74	INS4001	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	5	0	60	0	INS3044 INS3061
75	INS4011	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	5	0	0	0	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>					
76	INS2024	Chiến lược tổ chức <i>Organizational Strategy</i>	3	36	9	0	INS2019
77	INS4010	Phát triển các hệ thống thông tin nâng cao <i>Advanced Information Systems Development</i>	2	18	12	0	INS4001
Tổng cộng			145				

Ghi chú:

- (*) Sinh viên tự tích lũy các học phần Tiếng Anh B1, B2 và phải đạt trình độ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trước khi học các học phần thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành;
- Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh, trừ các học phần thuộc Khối kiến thức chung được giảng dạy bằng tiếng Việt.

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KÌ (đính kèm bên dưới)

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến đang được sử dụng tại các Đại học uy tín trên thế giới, có điều chỉnh cho phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ theo hướng dẫn của ĐHQGHN, nhằm nâng cao ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày, thảo luận, đồng thời tăng

cường mối liên kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, dạy học nói riêng;

Thông qua các giờ giảng của giảng viên nước ngoài, chương trình dần dần tiếp thu phương pháp giảng dạy tiên tiến của các nền giáo dục hiện đại trên thế giới (Mỹ, Australia và một số quốc gia khác);

Hướng dẫn sinh viên tự học theo kiểu nghiên cứu; chú trọng đào tạo, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, khả năng thực hành và ứng dụng thực tế cho sinh viên;

Khuyến khích làm việc theo nhóm, tham gia các bài tập tình huống, tổ chức nhiều buổi thảo luận, trao đổi, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, viết báo cáo, trình bày trên lớp các bài tập lớn.

Tổ chức thực tập, kiến tập cho sinh viên ở các cơ quan, doanh nghiệp liên quan kể cả ở nước ngoài theo yêu cầu của chương trình.

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Phương thức kiểm tra, đánh giá đối với chương trình đào tạo Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý của Khoa Quốc tế được xây dựng theo Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội.

Hình thức thi, kiểm tra

- Việc kiểm tra và chấm điểm học phần do giảng viên giảng dạy trực tiếp thực hiện và thông báo kết quả cho sinh viên.

- Đối với mỗi học phần, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kì thi (kì thi phụ được tổ chức dành cho những sinh viên chưa dự kì thi chính vì lí do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được Chủ nhiệm Khoa cho phép).

- Nội dung thi, kiểm tra đánh giá (các đề thi, kiểm tra): bám sát mục tiêu, yêu cầu học phần.

- Hình thức thi, kiểm tra: áp dụng các hình thức truyền thống, tăng cường hình thức hiện đại (trắc nghiệm, phỏng vấn, phần mềm chuyên dụng, kết hợp viết và vấn đáp, viết tiểu luận...).

Đánh giá kết quả

- Điểm đánh giá kết quả các học phần bao gồm: các điểm đánh giá bộ phận (trung bình của các điểm kiểm tra thường xuyên, định kì trên lớp; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì, điểm tiểu luận, bài tập lớn ...) và điểm thi kết thúc học phần,

trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 60% điểm của học phần.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẽ đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được quy định trong đề cương học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt	Điểm hệ 10	Điểm chữ	Điểm hệ 4
	9,0 – 10	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3.7
	8,0 – 8,4	B+	3.5
	7,0 – 7,9	B	3
	6,5 – 6,9	C+	2.5
	5,5 – 6,4	C	2
	5,0 – 5,4	D+	1.5
	4,0 – 4,9	D	1
Loại không đạt	< 4	F	0

Hệ thống kiểm tra đánh giá được áp dụng riêng cho từng học phần tùy thuộc vào nội dung của học phần đó.

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, học lực của sinh viên được xếp thành các loại sau:

Loại	Điểm trung bình chung tích lũy (TBCTL)
Xuất sắc	3,60 đến 4,00
Giỏi	3,20 đến 3,59
Khá	2,50 đến 3,19
Trung bình	2,00 đến 2,49
Yếu	dưới 2,00 (nhưng chưa thuộc trường hợp bị buộc thôi học)

Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình là những nhà giáo có tên tuổi trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội, trình độ từ thạc sỹ trở lên, được đào tạo ở các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Úc, Canada... Các giảng viên đều đạt chuẩn về ngoại ngữ để giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh, đồng thời có kiến thức chuyên môn sâu cũng như kinh nghiệm thực tế về lĩnh vực mình phụ trách giảng dạy. Ngoài ra, Khoa còn có sự trao đổi giảng viên với một số trường đại học danh tiếng nước ngoài để đưa giảng viên nước ngoài cũng phụ trách giảng dạy một số môn học trong chương trình. Tỷ lệ giảng viên nước ngoài tham gia chương trình chiếm khoảng 20%. Đội ngũ giảng viên trong và ngoài nước đã tạo nên một cộng đồng và môi trường giáo dục quốc tế tại Khoa.

Chương trình Thu hút học giả của Đại học Quốc gia Hà Nội đặt tại Khoa Quốc tế - ĐHQGHN (gọi tắt là Chương trình) ra đời với mục đích phát huy kinh nghiệm, năng lực, trí tuệ của các học giả đang làm việc tại các trường đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học uy tín trên thế giới để đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chương trình đồng thời giúp tăng cường chỉ số hội nhập quốc tế của ĐHQGHN nói chung và Khoa Quốc tế nói riêng, tạo động lực, môi trường đào tạo và nghiên cứu quốc tế, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ của Khoa, tiếp nhận chuyển giao công nghệ giảng dạy, nghiên cứu tiên tiến, quản trị đại học của nước ngoài, tăng cường tỷ lệ giảng viên đến từ các trường đại học uy tín nước ngoài giảng dạy tại Khoa.

Các học giả của Chương trình tham gia giảng dạy toàn bộ thời lượng một học phần hoặc phối hợp giảng dạy cùng giảng viên Khoa Quốc tế trong các chương đào tạo triển khai tại Khoa. Việc tổ chức giảng dạy được thực hiện với phương châm khuyến khích giảng viên của Khoa Quốc tế tham gia cùng soạn bài giảng và giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, học viên. Trong quá trình này, sinh viên, học viên và giảng viên Khoa Quốc tế sẽ trải nghiệm những phương pháp làm việc, cách tiếp cận mới hiện đang được áp dụng tại các cơ sở đào tạo uy tín ở nước ngoài.

Để phát huy tối đa hiệu quả của hoạt động này, các học giả của Chương trình sẽ được ưu tiên sắp xếp giảng dạy những môn học mới hoặc đòi hỏi cập nhật phương pháp làm việc, kiến thức mới một cách thường xuyên hoặc những học phần mà hiện nay ở Việt Nam còn thiếu nguồn giảng viên có trình độ cao, đáp ứng tốt yêu cầu của học phần và của Chương trình.

Ngoài ra, Khoa đã và đang xây dựng nhóm giảng viên cơ hữu chủ lực cho chuyên ngành kế toán, kiểm toán, kết hợp ký hợp đồng với giảng viên thỉnh giảng có kinh nghiệm công tác lâu năm trong các cơ quan kiểm toán lớn của Nhà nước và nước ngoài, có kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành
1	Lê Trung Thành	PGS	Tiến sĩ, Úc	Điện tử viễn thông
2	Nguyễn Thanh Tùng	PGS	Tiến sĩ, Úc	Công nghệ thông tin



STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành
3	Vũ Ngọc Tú	PGS	Tiến sĩ, Anh	Ngôn ngữ Anh
4	Nguyễn Thị Nhân Hòa		Tiến sĩ, Úc (2008)	Khảo thí Ngôn ngữ
5	Phạm Thị Thủy		Tiến sĩ, Đại học Monash, Úc (2003)	Ngôn ngữ Anh
6	Đỗ Thị Hồng Liên		Thạc sĩ, Bỉ (2012)	Nghiên cứu giáo dục tiếng Anh
7	Ngô Dung Nga		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
8	Nguyễn Thị Lan Anh		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
9	Dương Thị Thiên Hà		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
10	Đỗ Thanh Vân		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
11	Dương Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
12	Nguyễn Thị Thu Huyền		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
13	Đỗ Ngọc Diệp		Tiến sĩ khoa học	Toán
14	Nguyễn Quang Thuận		Tiến sĩ, Pháp	Toán
15	Nguyễn Hải Thanh	PGS	Tiến sĩ, Ấn Độ	Toán - Tin
16	Bùi Quang Hưng		Tiến sĩ, Nhật Bản	Hệ thống thông tin
17	Vũ Xuân Đoàn	PGS	Tiến sĩ, Pháp	Ngôn ngữ
18	Đinh Phương Linh		Thạc sĩ, Anh	Chăm sóc y tế và xã hội
19	Nguyễn Đức Nam		Thạc sĩ, Úc	Xã hội học
20	Trần Huy Phương		Tiến sĩ, Nhật Bản	Quản trị
21	Đỗ Ngọc Bích		Thạc sĩ, Anh	Quản trị - Marketing
22	Hoàng Kim Thu		Thạc sĩ, Anh	Kinh tế-Tài chính

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành
23	Lê Đức Thịnh		Tiến sĩ, Đại học Bang Pennsylvania, Hoa Kỳ, 2013	Toán học
24	Khúc Năng Toàn		Tiến sĩ, Mỹ	Tâm lí học
25	Nguyễn Vũ Hoàng		Tiến sĩ	Luật học
26	Vũ Văn Ngọc		Tiến sĩ, Anh	Luật học
27	Nguyễn Thị Nguyệt	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế
28	Nguyễn Thùy Vinh		Tiến sĩ, Úc	Kinh tế
29	Richard Pearl		Tiến sĩ, Mỹ	Quản trị, Marketing
30	Phạm Hương Trang		Thạc sĩ, Đức	Quản trị kinh doanh
31	Nguyễn Huy Sinh		Tiến sĩ, Mỹ, 2008	Luật
32	Trần Đức Quỳnh		Tiến sĩ, Pháp	Toán - Tin
33	Nguyễn Phú Hưng		Tiến sĩ, Mỹ, 2008	Quản trị và Tài chính
34	Phạm Thị Huệ		Tiến sĩ, Úc	Công nghệ thông tin
35	Mai Anh		Tiến sĩ, Pháp, 2010	Quản trị kinh doanh
36	Nguyễn Đại Thọ		Tiến sĩ, Đức	Hệ thống thông tin
37	Jason J. Jung		Tiến sĩ, Hàn Quốc	Công nghệ thông tin
38	Hoàng Gia Thụ		Tiến sĩ, Mỹ	Quản trị kinh doanh
39	Nguyễn Thị Anh Thơ		Thạc sĩ, Úc	Kinh tế đối ngoại
40	Phạm Đức Cường		Tiến sĩ, Úc, 2010	Quản trị kinh doanh/Kế toán
41	Trương Ninh Thuận	PGS	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
42	Võ Đình Hiếu		Tiến sĩ, Úc	Công nghệ thông tin



STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành
43	Lê Quang Dũng		Thạc sĩ, Anh, 2012	Quản trị kinh doanh
44	Phạm Ngọc Hùng	PGS	Tiến sĩ, Nhật Bản	Công nghệ thông tin
45	Francesco Meca		Thạc sĩ, Italia	Marketing
46	Mẫn Quang Huy		Tiến sĩ, Đức	Khoa học tính toán
47	Phạm Quang Dũng		Tiến sĩ, Rumani	Công nghệ thông tin
48	Nguyễn Văn Thoan		Tiến sĩ	Kinh doanh và quản lý thông tin
49	Ming-Kun Lin		Tiến sĩ, Mỹ	Quản trị kinh doanh
50	Tô Văn Khánh		Tiến sĩ, Nhật Bản	Công nghệ thông tin
51	Nguyễn Thị Thủy		Tiến sĩ, Áo	Công nghệ thông tin
52	Nguyễn Trí Thành		Tiến sĩ, Nhật Bản	Hệ thống thông tin
53	Nguyễn Tuấn Dũng		Tiến sĩ, Pháp	Hệ thống thông tin
54	Trần Thị Song Minh		Tiến sĩ, Áo	Hệ thống thông tin
55	Nguyễn Thị Minh Huyền		Thạc sĩ, Anh	Quản trị
56	Chiachi Tsan	GS	Tiến sĩ, Mỹ	Quản trị kinh doanh
57	Trần Thị Oanh		Tiến sĩ, Nhật Bản	Công nghệ thông tin
58	Nguyễn Văn Định	PGS	TS, 2001	Tài chính
59	Đỗ Phương Huyền		Thạc sĩ, Anh, 2010	Kinh tế và tài chính
60	Sabri Boubaker		Tiến sĩ, Pháp	Tài chính
61	Stacey Mirinaviciene		Thạc sĩ, Mỹ	Tài chính, Kế toán
62	Phạm Thị Liên	PGS	Tiến sĩ, Úc	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Học hàm	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành
63	Phạm Hải Chung		Tiến sĩ	Marketing
64	Hoàng Hữu Phê		Tiến sĩ	Quy hoạch đô thị
65	Chu Văn Hùng		Thạc sĩ, Úc	Quản trị kinh doanh

MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

1. PHI1006 - Triết học Mác - Lênin (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Theo chương trình của ĐHQGHN.

2. PHI1008 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: PHI1004 - Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1

Theo chương trình của ĐHQGHN.

3. PHI1002 - Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Theo chương trình của ĐHQGHN.

4. HIS1001 - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Theo chương trình của ĐHQGHN.

5. POL1001 - Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Theo chương trình của ĐHQGHN.

6. Giáo dục thể chất (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không.

Theo chương trình của ĐHQGHN.

7. Giáo dục quốc phòng – an ninh (8 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không.

Theo chương trình của ĐHQGHN

8. INS1014 - Tiếng Anh học thuật 1 (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Tiếng Anh học thuật 1 là học phần dành cho sinh viên ở trình độ trung-cao cấp nhằm giúp sinh viên nắm bắt những kiến thức và diễn đạt những khái niệm, quan điểm bằng tiếng Anh trong lĩnh vực học thuật qua 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết. Các chủ đề chính bao gồm những vấn đề về xã hội, gia đình, quan hệ xã hội, môi trường, và toàn cầu hóa. Học phần tập trung vào kỹ năng viết luận và kỹ năng thuyết trình, nhằm giúp sinh viên có bước chuẩn bị tốt cho những học phần kế tiếp.

9. INS2020 - Lập trình 1 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kỹ năng cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lập trình bao gồm cấu trúc chương trình cơ bản, biến, các kiểu dữ liệu, các cấu trúc lặp và điều khiển, ... Trên cơ sở đó, học phần trang bị kiến thức về lập trình hướng đối tượng với các đặc trưng như thiết kế lớp, kế thừa, đa hình, chồng hàm, ... Sinh viên có thể áp dụng phương pháp hướng đối tượng trong thiết kế và xây dựng hệ thống máy tính.

10. INT1004 - Tin học cơ sở 2 (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên hiểu các khái niệm về máy tính như cấu trúc máy tính, các phần mềm ứng dụng, mạng internet; hiểu và vận dụng được các ứng dụng cơ bản của tin học, cách thức sử dụng máy tính trong các hoạt động hàng ngày, đặc biệt là việc sử dụng các phần mềm ứng dụng cho công tác văn phòng; có khả năng phân tích, thu thập và đánh giá thông tin; bước đầu hình thành khả năng giải quyết vấn đề dựa trên các quy trình và công cụ tính toán của tin học.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được hoàn thiện thêm về khả năng tư duy logic và hệ thống, kỹ năng tính toán, soạn thảo văn bản, hiểu rõ tầm quan trọng và có ý thức ứng dụng tin học vào các vấn đề thực tế trong lĩnh vực kinh doanh và tài chính.

11. MAT1092 – Toán cao cấp (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên nắm được các chủ đề cơ bản của toán cao cấp như khảo sát hàm số, đại số tuyến tính, phép tính vi phân và tích phân, dãy số, chuỗi số và quy hoạch tuyến tính; hiểu và vận dụng được các chủ đề trên đây vào giải quyết một số dạng ứng dụng cơ bản của toán học trong kinh doanh và tài chính; có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên cũng được hoàn thiện thêm về khả năng tư duy và suy luận một cách logic và hệ thống, kỹ năng tính toán, hiểu rõ tầm quan trọng và có ý thức ứng dụng toán học vào các vấn đề thực tế.

12. MAT1004 - Lí thuyết xác suất và thống kê toán (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên hiểu các chủ đề cơ bản của lí thuyết xác suất và thống kê như phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu, các công thức cơ bản để tính xác suất, luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, phương pháp mẫu, ước lượng và kiểm định các tham số, tương quan và hồi quy tuyến tính đơn giản; hiểu và vận dụng được các kiến thức trên vào giải quyết một số dạng toán xác suất và thống kê cơ bản trong kinh doanh và tài chính; có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được hoàn thiện thêm về khả năng tư duy và suy luận một cách logic và hệ thống, kỹ năng tính toán, hiểu rõ tầm quan trọng và có ý thức ứng dụng xác suất và thống kê vào các vấn đề thực tế.

13. INS1004 - Đại cương về mạng máy tính (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên được cung cấp kiến thức về cấu trúc mạng máy tính, những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng mạng máy tính và các nguyên nhân dẫn đến sự tồn tại nhiều kiểu mạng máy tính. Sinh viên cũng sẽ được học về cấu trúc mạng Internet, cũng như những vấn đề mạng cơ bản được xử lý ra sao trong bối cảnh Internet.

Các chủ đề nghiên cứu chính: Mô hình mạng OSI; giao thức; kết nối; giao vận; dịch vụ, giao thức mạng; các phương tiện vật lí và các thành phần mạng; khái quát về các dịch vụ liên quan; tầng kết nối và truyền; tầng mạng và định tuyến; giao thức Internet,

định danh, đánh điện chỉ; tầng giao vận: TCP, RTP và UDP; độ tin cậy và mã hoá; bảo mật; các đặc tính đánh giá khả năng vận hành và chất lượng của dịch vụ.

Về kĩ năng và thái độ học tập, sinh viên có khả năng phân tích những giao thức đơn giản và có thể tự tìm hiểu những khái niệm về mạng máy tính; hiểu biết về sự quan trọng và tác dụng của các loại dịch vụ mạng, ví dụ như DNS, NAT, và ARP.

14. PSY1050 - Tâm lí học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: **Không**

Về kiến thức, học phần này giúp sinh viên tiếp cận những khái niệm, lí thuyết và những nguyên lí cơ bản của khoa học tâm lí (ví dụ tri giác, học tập, trí nhớ, ngôn ngữ, cảm xúc, động cơ, nhân cách, và các rối nhiễu tâm lí...), từ đó có những hiểu biết căn bản về các quá trình tâm lí và hành vi của con người.

Các chủ đề chính của học phần bao gồm: Cảm giác, tri giác, học tập, trí nhớ, ngôn ngữ, tư duy, động cơ, nhân cách, stress, các rối nhiễu tâm lí và hành vi xã hội. Chương trình học phần tập trung khai thác ứng dụng của các lí thuyết và các nguyên lí tâm lí học trong việc hiểu và phân tích hành vi của con người.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên có được những kĩ năng cần thiết để đánh giá và tư duy một cách có phê phán về các thông tin liên quan đến các hiện tượng tâm lí phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong cộng đồng và trong các công trình nghiên cứu. Sinh viên tích cực tìm hiểu, khám phá những vấn đề cá nhân liên quan đến nội dung học phần, hiểu được các khía cạnh tâm lí trong đời sống của bản thân và của người khác; hiểu được ý nghĩa thực tiễn của tâm lí học.

15. INS1051 - Nhập môn Hệ thống thông tin quản lí (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Hệ thống thông tin quản lí là một phần quan trọng trong các hoạt động ngày nay của tổ chức: ví dụ như các hệ thống quản lí khách hàng CRM sẽ lưu trữ, kiểm soát các tương tác hàng ngày giữa khách hàng và doanh nghiệp; các hệ thống tài chính sẽ tự động tạo ra hóa đơn cho khách và trả hóa đơn cho nhà cung cấp, ... Các hoạt động hàng ngày này sẽ được kiểm soát chặt chẽ bởi các hệ thống phần mềm. Học phần này sẽ giảng dạy về các khái niệm cơ bản MIS, lộ trình, mục tiêu và các cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau ra trường.

Học phần sẽ sử dụng các ví dụ thực tế để minh họa các khái niệm, kiến thức được học. Các ví dụ sẽ đi vào từng loại hệ thống thông tin trong các ngành công nghiệp phổ biến hiện nay. Học phần sẽ cung cấp nền tảng cơ bản giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành học thú vị này.

16. THL1055 - Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên hiểu những cơ sở của luật pháp, quy luật chung về sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của Nhà nước và Pháp luật, hiểu được hệ thống pháp luật và các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tiếp cận với các bộ luật cơ bản điều chỉnh hành vi cá nhân trong xã hội.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên bước đầu có kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng pháp lý của đời sống, có thái độ tuân thủ pháp luật, thể hiện qua các hành vi ứng xử của mình trong cuộc sống và công việc.

17. INE1050 - Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên hiểu các vấn đề cơ bản của kinh tế vi mô như cách thức các hộ gia đình và các công ti ra quyết định và sự tác động lẫn nhau của các quyết định này trên thị trường; lý giải giá và lượng của từng loại hàng hoá và dịch vụ, cách thức hoạt động của hệ thống kinh tế, kinh tế môi trường, cải cách kinh tế vi mô và tác động của điều tiết và thuế của Nhà nước tới nền kinh tế và các nhóm khác nhau trong xã hội.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có khả năng áp dụng kiến thức kinh tế, phân tích các hiện tượng kinh tế trong đời sống trong nước và trên thế giới.

18. INE1051 - Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô (INE1050)

Về kiến thức, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô - nghiên cứu trên bình diện tổng thể nền kinh tế bao gồm mô tả đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như tổng sản phẩm quốc nội, giá cả và lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tổng tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền tệ, lãi suất, cán cân thương mại, cán cân thanh toán và tỉ giá và mối quan hệ giữa các biến số này. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng phân tích và đánh giá những biến động kinh tế

trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung và phía cầu, và vai trò của các chính sách ổn định hóa như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế vĩ mô một cách khoa học, logic, gắn với bối cảnh xã hội và các yếu tố khác trong hệ thống các vấn đề kinh tế liên quan, để hiểu bản chất vấn đề nghiên cứu từ đó đưa ra các quyết định phù hợp.

19. INS2019 – Tổ chức và quản trị kinh doanh (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô (INE1050)

Về kiến thức, sinh viên hiểu được các lý thuyết căn bản về tổ chức và quản lý và tiến triển của các lý thuyết này cho tới nay, bao gồm các trường phái lý thuyết và cơ sở lý luận của các mô hình tổ chức, lý thuyết quản lý và các chức năng của quản lý, mối quan hệ giữa cá nhân, tổ chức, và môi trường bên ngoài, các hành vi của tổ chức, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có khả năng phân tích và đánh giá bản chất vận hành của tổ chức và các chức năng căn bản của quản lý từ đó lên kế hoạch, xây dựng quy trình tổ chức doanh nghiệp, lãnh đạo và quan hệ với các cá nhân và tổ chức, kiểm soát hệ thống, ra quyết định và cân nhắc yếu tố con người.

20. INS3050 - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Lập trình 1 (INS2020)

Mục tiêu của học phần này là cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách thiết kế, viết và phân tích hiệu suất của các chương trình C / C ++ khi xử lý dữ liệu có cấu trúc và thực hiện các nhiệm vụ phức tạp hơn, điển hình của các dự án phần mềm lớn hơn.

Học phần này bao gồm các nội dung về mảng, vector, danh sách, hàng đợi, ngăn xếp, cây và các chủ đề nâng cao khác như các phương pháp sắp xếp và kỹ thuật băm. Học phần này cũng giới thiệu việc thiết kế, phân tích và triển khai các cấu trúc dữ liệu cơ bản trong C ++. Các thuật toán hoạt động trên các cấu trúc dữ liệu cũng được trình bày.

21. INS2037 - Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INT1004 - Tin học cơ sở 2

Về kiến thức, sinh viên hiểu các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin như mạng thông tin nội bộ và toàn cầu, hệ thống cơ sở dữ liệu, vai trò chiến lược của hệ thống thông tin và hệ thống ra quyết định; hiểu và vận dụng được kiến thức về hệ thống thông tin vào thực tiễn hoạt động kinh doanh; có khả năng thu thập, phân tích, thiết kế và đánh giá hệ thống thông tin của tổ chức; bước đầu hình thành khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quản lý và tổ chức kinh doanh.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được hoàn thiện thêm về khả năng tư duy logic và hệ thống, kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, thiết kế và quản trị hệ thống thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp, hiểu rõ tầm quan trọng và có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào các vấn đề thực tế trong lĩnh vực kinh doanh.

22. INS2051 – Các phương pháp định lượng trong quản lý (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Lí thuyết xác suất và thống kê toán (MAT1004)

Về kiến thức, sinh viên nắm được các phương pháp định lượng cơ bản thường được sử dụng trong quản lý và kinh doanh như các mô hình dự báo, ra quyết định, phương pháp đơn hình giải bài toán quy hoạch tuyến tính, bài toán đối ngẫu và bài toán vận tải, sơ đồ mạng PERT, mô phỏng ngẫu nhiên và một số phương pháp định lượng khác; hiểu và vận dụng được các chủ đề trên đây vào giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh và tài chính; có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được hoàn thiện thêm về khả năng tư duy và suy luận một cách logic và hệ thống, kỹ năng tính toán, hiểu rõ tầm quan trọng và có ý thức ứng dụng các phương pháp và mô hình định lượng vào các vấn đề quản lý thực tế.

23. INS2053 – Tạo lập và quản lý Web (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tin học cơ sở 2 (INT1004)

Về kiến thức, học phần sẽ cho phép sinh viên có khả năng thiết kế và quản lý các ứng dụng Web, đặc biệt tập trung vào nghiên cứu về máy chủ và cơ chế liên kết giữa trang Web và cơ sở dữ liệu. Cũng trong khuôn khổ học phần, sinh viên sẽ được phát triển các năng lực sử dụng các công cụ đa phương tiện, mạng Internet trong việc trao đổi thông tin, đồng thời được cung cấp các kiến thức cần thiết để xây dựng các giải pháp đa phương tiện nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Các chủ đề nghiên cứu chính: nhận thức về mạng Internet, công nghệ Internet và chuẩn Web; kiến trúc ứng dụng Web; xem xét những công cụ phát triển Web; thiết kế, triển khai; kiểm thử và đánh giá ứng dụng Web động; xem xét thiết kế trang Web; xây dựng hệ thống văn bản liên quan; ngoài ra cũng xem xét đến các yếu tố luật pháp và bản quyền trong lĩnh vực thiết kế Website.

Về kỹ năng và thái độ học tập, sinh viên có thể tự phân tích những yêu cầu đối với các ứng dụng Web “hướng doanh nghiệp” và lựa chọn những kỹ thuật phù hợp để xây dựng ứng dụng Web. Sinh viên còn có thể đánh giá, xây dựng hệ thống văn bản và trình diễn ứng dụng Web.

24. INS2055 – Các hệ cơ sở dữ liệu (4 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tin học cơ sở 2 (INT1004)

Về mặt kiến thức, học phần sẽ nâng cao hiểu biết về các phương pháp tổ chức và truy cập dữ liệu. Sinh viên có thể xác định và thực thi mô hình cơ sở dữ liệu (CSDL), so sánh các công nghệ CSDL và nắm được các vấn đề luật pháp liên quan, ví dụ như bảo vệ dữ liệu, bản quyền và sở hữu.

Các nội dung nghiên cứu chính: Các khái niệm về hệ thống dữ liệu; Kỹ thuật mô hình hoá dữ liệu; Các kỹ thuật tổ chức và truy cập dữ liệu; Quản lý dữ liệu của tổ chức; Quản trị dữ liệu và các công cụ.

Về kỹ năng và thái độ học tập, sinh viên có thể thảo luận và lựa chọn hệ thống quản lý dữ liệu phù hợp để quản lý dữ liệu của tổ chức.

25. INS2060 – Đổi mới công nghệ thông tin và kinh doanh (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tổ chức và quản trị kinh doanh (INS2019)

Về mặt kiến thức, học phần trang bị cho sinh viên các phương pháp luận để xác định được sản phẩm mới, dịch vụ mới và quy trình mới; huấn luyện sinh viên xác định và vận dụng các cơ hội đổi mới nảy sinh từ các phát triển mới ở cả mức vi mô, như công nghệ RFID (Radio-frequency identification: sử dụng mã vạch thông minh để theo dõi hàng hóa), và mức vĩ mô, như công nghệ nền P2P (Peer to Peer Computing: Mạng máy tính chia sẻ tài nguyên trong đó mỗi máy có thể có vai trò máy chủ / khách).

Các chủ đề chính của học phần: Các phương pháp luận đổi mới hiện đại và phổ cập nhất; Chuyển đổi mới công nghệ thành đổi mới kinh doanh; Làm thế nào để phát huy các cơ hội đổi mới chưa được đánh giá đúng mức; Làm thế nào để ứng dụng

phương pháp luận đổi mới để xác định được các đổi mới hấp dẫn trong kinh doanh; Lập kế hoạch triển khai các đổi mới trong kinh doanh.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có thể áp dụng được các kết quả đổi mới để khởi đầu các hoạt động kinh doanh hoặc các dự án về hệ thống thông tin vào năm học cuối, và cũng có thể vận dụng các kỹ năng đã có để phát triển các sản phẩm và dịch vụ đổi mới cho tổ chức / người sử dụng lao động.

26. INS2058 - Quyền sở hữu trí tuệ (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương (THL1057)

Về kiến thức, sinh viên sẽ có hiểu biết về luật sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ. Học phần trang bị cho sinh viên năng lực phân tích các chính sách cạnh tranh thay thế trong việc thiết lập luật sở hữu trí tuệ cũng như phân tích các cơ sở pháp lý của sáng chế, bản quyền, thương hiệu và bí mật thương mại (và những vấn đề liên quan khác tới sở hữu trí tuệ). Thông qua nội dung khoá học, sinh viên còn tích lũy được kiến thức về những vấn đề có tính tranh cãi đặc trưng trong luật sở hữu trí tuệ, bao gồm bảo vệ sáng chế phần mềm và các phương pháp kinh doanh, các thách thức do công nghệ chia sẻ file đặt ra đối với luật bản quyền, vai trò và những khó khăn của việc bảo vệ thương hiệu trên mạng Internet, và việc áp dụng những điều luật cơ bản trên Internet.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được phát triển các kỹ năng đánh giá phê phán, sáng tạo, có tính phân tích và kỹ năng thực hành về sở hữu trí tuệ, cũng như những đánh giá thích hợp đối với sở hữu trí tuệ, như là một công cụ quan trọng bảo vệ lợi ích kinh doanh, giải trí và phát triển, cho phép thúc đẩy các đổi mới trong sở hữu trí tuệ và các luật, chính sách và giao dịch chuyển giao công nghệ.

27. INS2023 - Quản trị hoạt động (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INS2019 - Tổ chức và quản trị kinh doanh

Về kiến thức, sinh viên nắm được vấn đề liên quan đến việc quản lý quá trình tổ chức chuyển hóa các nguồn tài nguyên vào chất lượng hàng hoá và dịch vụ. Một cách cụ thể, sinh viên hiểu và áp dụng được các chiến lược hoạt động, quản lý dự án, quản lý chất lượng và quản lý hàng tồn kho, vận hành sản xuất theo hướng tối ưu hóa giá trị và kiểm soát chất lượng, kiểm soát chi phí.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có thể thực hiện các hoạt động tác nghiệp như quản lý dự án, quản lý chất lượng, quản trị quá trình hoạt động, kiểm soát chi phí và hàng tồn kho.

28. INS2061 - Khai phá dữ liệu và phân tích kinh doanh (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Lí thuyết xác suất và thống kê toán (MAT1004), Các hệ cơ sở dữ liệu (INS2055)

Về kiến thức, học phần này giới thiệu cho sinh viên các phương pháp khai phá dữ liệu và các ứng dụng được sử dụng để xác định hay khám phá các mối quan hệ thú vị trong bộ dữ liệu lớn, đa chiều. Học phần nhấn mạnh cách thức áp dụng các phương pháp khai phá dữ liệu sẵn có từ trước đây, gần đây hay đang được phát triển cho các tình huống kinh doanh thực tiễn thông qua việc phân tích các ví dụ được lựa chọn từ các ngành công nghiệp khác nhau.

Học phần này cũng giới thiệu về các vấn đề cơ sở và kỹ thuật cơ bản trong khai phá dữ liệu. Các chủ đề bao gồm các quá trình khai phá dữ liệu, tiền xử lý dữ liệu, các kỹ thuật khai phá dữ liệu và đánh giá việc khai phá dữ liệu. Đặc biệt, việc sử dụng khai phá dữ liệu để hỗ trợ kinh doanh thông minh và ra quyết định được đề cập đến thông qua các hoạt động thực hành trong phòng máy tính, các dự án và các trường hợp nghiên cứu tình huống.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có thể học hỏi để tích hợp được các phân tích kinh doanh và các giải pháp kỹ thuật thông qua làm việc và cộng tác nhóm, trình bày một cách hiệu quả về động lực và các ý tưởng chính của một dự án CNTT, khám phá các chi tiết kỹ thuật của giải pháp với độ sâu hợp lý, phù hợp với đối tượng quan tâm, và tổ chức viết nội dung của dự án một cách chặt chẽ và hợp lý.

29. INS2062 - Mobile và công nghệ điện rộng (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tin học cơ sở 2 (INT1004)

Về kiến thức, học phần này cung cấp cho sinh viên hiểu biết nền tảng về các ứng dụng thực tế của mobile và công nghệ điện rộng trong các hoạt động kinh doanh. Các điểm nhấn mạnh được đặt vào: (i) định vị, truy cập và tích hợp các dữ liệu kinh doanh trên mobile và công nghệ điện rộng; (ii) sự hiểu biết công nghệ được sử dụng bởi các ứng dụng di động và công nghệ điện rộng; (iii) trở nên quen thuộc với những lợi ích, những

hạn chế, thách thức và cơ hội của công nghệ này; (iv) khám phá những cách thức mới và sáng tạo tích hợp công nghệ di động và diện rộng trong các hoạt động kinh doanh.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên học được cách tạo lập nên các đề xuất kinh doanh cá nhân (có phân tích các chi phí và lợi nhuận của đề xuất hoặc nêu rõ ảnh hưởng của giải pháp phần mềm kinh doanh) cho phép xác định rõ ý tưởng khởi động tiềm năng, cách thiết lập các yêu cầu cho đồ án nhóm (các trợ lí mua sắm, các hệ thống giám sát công việc). Sinh viên cũng học được cách giao tiếp hiệu quả và giải quyết các xung đột khi làm việc trong một nhóm tự chọn với các đồng nghiệp có những khả năng và thái độ khác nhau.

30. INS3034 – Khung kiến trúc Dot Net (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Lập trình 1 (INS2020)

Sau khi hoàn tất tốt học phần này, sinh viên sẽ hiểu được các biến, các loại dữ liệu, các toán tử, cấu trúc và mảng. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên các kĩ năng chuyên ngành để phát triển đa cấu kế thừa lớp, lớp trừu tượng, đặc tính giao thức, các số chỉ, vùng tên, ngoại lệ, đại diện và sự kiện, các bộ sưu tập, khuyết danh tự sinh, đối tượng rỗng và các lớp riêng.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên được phát triển sự hiểu biết về thiết kế và phát triển các ứng dụng máy tính trong Dot Net.

31. INS3070 - Quản lí các hệ thống thông tin (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh (INS2037)

Về kiến thức, học phần sẽ nâng cao hiểu biết về vai trò của CNTT trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp; Nâng cao hiểu biết về tương tác giữa CNTT và cấu trúc và văn hoá doanh nghiệp; Nâng cao hiểu biết về sự cần thiết, những kĩ năng đối với những thay đổi và cải tổ doanh nghiệp, đặc biệt quan trọng trong việc đề xuất hoặc mở rộng hệ thống CNTT.

Những chủ đề nghiên cứu chính: Các hệ thống thông tin chiến lược; CNTT và cấu trúc doanh nghiệp; CNTT và văn hoá doanh nghiệp; Quản lí thay đổi và cải tổ.

Về kĩ năng và thái độ học tập, sinh viên sẽ học cách đánh giá các vấn đề phương pháp luận và thực tiễn của việc triển khai có tính chiến lược CNTT và hệ thống thông

tin, quản lý thay đổi và cải tổ, những ảnh hưởng của CNTT đối với cấu trúc và văn hoá doanh nghiệp.

32. INS3065 - Lập trình Java (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Lập trình 1 (INS2020)

Sau khi hoàn tất tốt học phần này, sinh viên sẽ hiểu được các kiến thức cơ bản về Java, biến, toán tử, khai báo đối tượng, cấu trúc, lớp, mảng, chuỗi ký tự. Học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng chuyên ngành để phát triển các kế thừa, ngoại lệ.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được phát triển các hiểu biết về thiết kế và phát triển các ứng dụng máy tính trong Java.

33. INS3056 - Mô hình hoá và thiết kế các hệ thống thông tin (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh (INS2037); Các hệ cơ sở dữ liệu (INS2055)

Về kiến thức, học phần nâng cao kiến thức và hiểu biết của sinh viên về các quá trình xây dựng hệ thống thông tin; các phương pháp tiếp cận khác nhau trong xây dựng hệ thống thông tin; các kỹ thuật và công cụ được sử dụng trong quá trình phân tích yêu cầu và lập kế hoạch.

Các chủ đề nghiên cứu chính: Hệ thống thông tin và doanh nghiệp; Phân tích yêu cầu; Mô hình NSD; Mô hình lớp; Mô hình tương tác; hoạt động đặc tả; Trạng thái và hoạt động; Từ mô hình tới triển khai; Thiết kế giao diện người dùng; Thiết kế quản lý dữ liệu; Kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin.

Về kỹ năng và thái độ học tập, sinh viên có khả năng thiết kế và đặc tả hệ thống, phát triển kỹ năng làm việc nhóm.

34. INS3044 – Quản trị dự án CNTT (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và hiểu biết nhằm quản lý các dự án IT. Sinh viên được học cách thảo luận và ứng dụng các nguyên tắc quản trị dự án, theo dõi tổng hợp và xác định các vấn đề chất lượng trong quản trị một dự án, đánh giá và theo dõi các yêu cầu hợp đồng và đấu thầu.

Các chủ đề chính của học phần bao gồm: Các nguyên tắc quản trị dự án; Quản trị chi phí và tiến độ thời gian; Lập kế hoạch, tiến trình và theo dõi dự án; Phân tích và

quản trị rủi ro; Nhân lực và truyền thông; Các vấn đề quản trị chất lượng; Chu trình đánh giá và phát triển phần mềm; Hợp đồng và đấu thầu.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên được học cách đánh giá hiệu quả các hệ thống khác nhau và đưa ra các quyết định phù hợp đối với việc thực hiện dự án, đảm bảo việc soạn thảo đánh giá tổng hợp sau dự án.

35. INS3066 - Các giải pháp kinh doanh cho doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, học phần có mục đích cung cấp cơ hội thực hành cho sinh viên để khám phá một số quá trình trong một hệ thống kinh doanh. Các sinh viên sẽ được học về tính hiệu dụng của kiến trúc hướng dịch vụ (SOA) kinh doanh và cách thức tích hợp các quá trình từ các dịch vụ sẵn có để đưa ra các giải pháp kinh doanh. Học phần bao gồm các hệ thống kinh doanh, các quá trình kinh doanh doanh nghiệp và kiến trúc hướng dịch vụ kinh doanh.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên học được cách chuẩn bị và đưa ra một bản thuyết trình về các hoạt động cụ thể để thực hiện các quy trình kinh doanh trong một hệ thống ERP (ví dụ như mua sắm) cho một ngành công nghiệp nhất định và một công ty đã lựa chọn. Họ cũng sẽ học được cách chuẩn bị và đưa ra một bản thuyết trình để trình bày việc thực hiện các giải pháp ESOA bằng cách sử dụng dịch vụ doanh nghiệp và dịch vụ web bên ngoài.

36. INS3061– Các hệ thống thông tin doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tổ chức và quản trị kinh doanh (INS2019); Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh (INS2037)

Về kiến thức, học phần này được thiết kế nhằm giới thiệu sâu về việc quản trị các hệ thống thông tin kinh doanh (EIS), trong đó đặc biệt nhấn mạnh tới các vấn đề liên quan tới tính tương tác giữa việc thiết kế tổ chức và thiết kế hệ thống các hệ thống thông tin kinh doanh. Học phần cũng giúp sinh viên khám phá mối liên hệ giữa việc hoạch định chiến lược kinh doanh và việc thiết kế hạ tầng hệ thống thông tin của tổ chức.

Các chủ đề chính của học phần: Phân tích khung hoạt động EIS; Phát triển và triển khai hệ thống kinh doanh; Chu trình triển khai hoạt động; Lựa chọn hệ thống kinh doanh và lập kế hoạch dự án; Tái thiết kế quá trình kinh doanh và các trường hợp điển

hình; Kiến trúc hệ thống; Các hồ sơ bán hàng: Phân bố thị trường và biến động sản phẩm.

Về kỹ năng và thái độ, học phần giúp sinh viên được chuẩn bị để tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp: hiểu được tiếp cận EIS có ý nghĩa như thế nào đối với các hoạt động này trong bối cảnh ứng dụng CNTT cho một ngành công nghiệp cụ thể; giúp sinh viên được chuẩn bị để tham gia vào hoạt động của bộ phận kỹ thuật bán hàng CNTT: nhận diện được các vấn đề quản lý liên quan tới các quy trình ứng dụng CNTT ở mức cao; giúp sinh viên được chuẩn bị để làm việc với các chuyên gia / công ti tư vấn trong công việc của họ sau này.

37. INS3062 - Các nguyên lý an toàn thông tin (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh (INS2037)

Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên hiểu rõ sự cần thiết về an toàn thông tin nhằm bảo vệ hệ thống thông tin và dữ liệu, cũng như công nghệ sử dụng để bảo vệ hệ thống thông tin. Học phần cũng thảo luận về các vấn đề của phần mềm gián điệp và các thể loại chính của các mối đe dọa đến hệ thống thông tin, minh họa các loại mối đe dọa đối với an ninh hệ thống và các điểm qua mạng mà ở đó những mối đe dọa rất phổ biến. Cuối cùng, học phần xác định các loại khác nhau của phần mềm độc hại đe dọa hệ thống thông tin và máy tính và các loại tội phạm máy tính.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có thể phát triển hơn nữa kỹ năng cần cho vai trò tương lai của họ như là người ra quyết định kinh doanh.

38. INS3063 – Phân tích kinh doanh hỗ trợ quyết định (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Lý thuyết xác suất và thống kê toán (MAT1004)

Về kiến thức, học phần thảo luận về hoạt động bên trong của việc phân tích quyết định trong các hệ thống kinh doanh nhằm hỗ trợ và đưa ra các quyết định quản lý. Sinh viên nắm được các kiến thức và hiểu biết để tiến hành mô hình hóa và giải quyết các vấn đề như vậy. Học phần đề cập tới các phương pháp luận cơ sở cũng như mới đưa ra gần đây.

Các chủ đề chính của học phần: Các mạng kinh doanh; Phân tích quyết định trong lập kế hoạch ngân sách; Phân tích quyết định trong vận chuyển và hậu cần; Phân tích quyết định trong mạng xã hội và kết nối xã hội; Phân tích quyết định trong quản trị

năng lực; Phân tích quyết định và các ứng dụng tiên tiến; Tích hợp việc hỗ trợ quyết định vào các hệ thống kinh doanh.

Về kỹ năng và thái độ, về các kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, sinh viên có thể làm việc nhóm một cách hiệu quả nhằm thiết kế và triển khai một dự án nhóm, giải quyết một cách hiệu quả các xung đột khi cùng làm việc với các đồng nghiệp có năng lực và thái độ nhận thức khác nhau. Về kỹ năng trình bày, sinh viên có thể chuẩn bị và diễn đạt bài trình bày với kỹ thuật trình bày hiệu quả, đặc biệt là về cách xác định vấn đề, thiết kế giải pháp với phong cách chuẩn mực và trực quan, trình bày việc triển khai thuật toán và kết quả thực nghiệm một cách chính xác và thuyết phục. Về kỹ năng viết, sinh viên có thể trình bày việc thiết kế giải pháp hỗ trợ quyết định (bao gồm: xác định vấn đề, mô hình hóa, thiết kế thuật toán và triển khai) một cách chuẩn mực và chính xác trong báo cáo dự án.

49. INS3009 - Quản trị khởi nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INS 2019 – Tổ chức và quản trị kinh doanh

Học phần về khởi nghiệp này là sự kết hợp giữa việc nắm vững lý thuyết và áp dụng lý thuyết vào thực tế. Các kiến thức cơ bản liên quan tới quản trị và vận hành doanh nghiệp sẽ được cung cấp trong toàn khoá học. Bên cạnh đó, các buổi thảo luận về các tình huống thực tế sẽ cung cấp thêm thông tin cũng như định hướng giải quyết các vấn đề thường gặp và các thử thách khi quản lý và vận hành một doanh nghiệp khởi nghiệp. Các chủ đề chính bao gồm: Thực tế và các vấn đề khởi nghiệp, marketing và bán các sản phẩm mới, hiểu biết về báo cáo tài chính, tìm nguồn tài chính cho doanh nghiệp khởi nghiệp, quản lý khi doanh nghiệp mở rộng, điều chỉnh chiến lược kinh doanh đối với doanh nghiệp đang phát triển, quốc tế hoá và phát triển doanh nghiệp trong tập đoàn.

40. INS3064 - Thiết kế đa phương tiện và phát triển Web (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tạo lập và quản lý Web (INS2053), Lập trình 1 (INS2020)

Về kiến thức, học phần sử dụng phương pháp tiếp cận tương tác, cung cấp cho sinh viên kỹ năng thiết kế và đánh giá mô hình đa phương tiện của hệ thống. Sinh viên sẽ thiết kế cấu trúc, tương tác và các thành phần giao diện của hệ thống. Kiến thức về tâm lý sẽ giúp sinh viên có các hiểu biết rộng về cách thức sử dụng màu sắc, biểu tượng và hệ thống chuyển hướng. Mô hình sẽ được thiết kế thông qua các gói đa phương tiện

và công cụ Web cập nhật nhất. Thêm vào đó, học phần cũng cho phép sinh viên tạo và quản trị ứng dụng Web, bao gồm quản trị cả người dung và máy chủ.

Các chủ đề nghiên cứu chính: Thiết kế và phân tích hệ thống đa phương tiện; Mô hình hoá Web và ứng dụng đa phương tiện; Các gói phát triển Web và đa phương tiện; Công nghệ tái sử dụng và thiết kế giao diện trên cơ sở yêu cầu người sử dụng; Xuất bản và quản lí Web và các ứng dụng đa phương tiện.

Về kĩ năng và thái độ học tập, sinh viên có khả năng nghiên cứu và xác định các yêu cầu của người sử dụng thông qua phân tích các nhiệm vụ.

41. INE3060 – Thương mại điện tử (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tổ chức và quản trị kinh doanh (INS2019)

Về kiến thức, sinh viên hiểu các kiến thức tổng quan về hoạt động kinh doanh trực tuyến nói chung và hoạt động thương mại trên môi trường internet nói riêng. Sinh viên nắm bắt được các công cụ tác nghiệp cơ bản trong thương mại điện tử, quy trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong thương mại điện tử, các công nghệ, quy trình thanh toán trong thương mại điện tử và vấn đề bảo mật thông tin trong thương mại điện tử. Ngoài ra, sinh viên cũng có kiến thức nền tảng về xây dựng chiến lược và các hoạt động thúc đẩy thương mại điện tử như quảng cáo trực tuyến, hoạt động quảng cáo, bán hàng, mua bán, dịch vụ khách hàng và các chức năng thương mại khác.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên có khả năng áp dụng các lí thuyết và các công cụ học phần cung cấp vào thiết kế, điều hành và quản lí hoạt động thương mại của đơn vị; có thái độ đúng đắn về tầm quan trọng của thương mại điện tử trong kinh doanh hiện đại.

42. INS3060– Phát triển cơ sở dữ liệu nâng cao (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các hệ cơ sở dữ liệu (INS2055)

Về mặt kiến thức, học phần sẽ trang bị cho sinh viên nhận thức về các đặc tính và chức năng của hệ quản trị CSDL; những kĩ năng hiệu quả để xây dựng và thiết kế CSDL, phối hợp và kết hợp các công nghệ tiên tiến để đáp ứng yêu cầu của môi trường kinh doanh hiện đại.

Những chủ đề nghiên cứu chính: thiết kế CSDL quan hệ về mặt vật lí; kĩ thuật kiểm soát đồng thời; kĩ thuật khôi phục CSDL; thiết kế CSDL đối tượng; CSDL quan hệ - đối tượng; các mô hình dữ liệu nâng cao; CSDL phân tán; các vấn đề về trong khai phá dữ liệu và kho dữ liệu; các công nghệ CSDL và ứng dụng mới.

Về kĩ năng và thái độ học tập, sinh viên có thể thảo luận và phân tích các đặc trưng thiết kế then của các hệ CSDL kiểu mới phù hợp như thế nào trong việc cung cấp các giải pháp cho môi trường hệ thống thông tin tích hợp hiện đại. Sinh viên còn có thể đánh giá tính hiệu quả của các thiết kế và giải pháp, đóng góp của các giải pháp này đối với việc giải quyết các tình huống được đưa ra.

43. INS3057 - Lập kế hoạch và hạ tầng công nghệ thông tin (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh (INS2037), Quản trị dự án CNTT (INS3044)

Học phần này phát triển sự cần thiết trong việc thiết lập kế hoạch, quy trình và cách làm việc để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp và tổ chức

Các chủ đề nghiên cứu chính: Những thách thức quản lí của các cơ sở hạ tầng mới: Sự cần thiết của kế hoạch CNTT chiến lược; Cơ sở hạ tầng là những gì: danh mục đầu tư CNTT; Bằng chứng của giá trị kinh doanh; Bốn phương pháp tiếp cận cho việc đầu tư về CNTT; So sánh khả năng cạnh tranh với xem xét cơ sở hạ tầng cho luồng thông tin; Quản lý Maxims: Liên kết chiến lược và cơ sở hạ tầng; Sử dụng Maxims để quản lí thay đổi; Đổi mới kinh doanh và khả năng cơ sở hạ tầng; Thực hiện các quyết định đầu tư; Cung cấp các chiến lược kinh doanh thông qua quy hoạch CNTT: Tầm quan trọng của phát triển cơ sở hạ tầng, tận dụng, lãnh đạo và quản lý cơ sở hạ tầng mới.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên học được cách trao đổi tranh luận và lựa chọn giải pháp phát triển CNTT.

44. INS3067 - Các quy trình và công nghệ ngân hàng bán lẻ (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Khai phá dữ liệu và phân tích kinh doanh (INS2061), Quản lí các hệ thống thông tin (INS3070)

Về kiến thức, học phần này giới thiệu môi trường và kiến trúc nghiệp vụ ngân hàng bán lẻ. Học phần đi sâu tìm tòi một số quy trình then chốt bao gồm từ văn phòng mặt trước tới văn phòng mặt sau của ngân hàng và các sản phẩm liên quan tới ngân hàng; các quy trình này đòi hỏi phải có các giải pháp CNTT thích hợp. Chương trình học phần cũng bao gồm nghiệp vụ ngân hàng cốt lõi cũng như các kênh giao hàng như là máy rút tiền tự động (ATM), mạng internet và hệ thống trả lời thoại tương tác (IVRS). Các chủ đề như bảo mật ngân hàng, phân tích khách hàng và tín dụng, các công nghệ đang nổi lên và xu hướng của ngành cũng được đề cập tới.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên được học cách giao tiếp hiệu quả và giải quyết xung đột khi làm việc trong các nhóm tự chọn hoặc được sắp xếp trước với các thành viên có các khả năng và các tính cách khác nhau. Họ cũng được học cách chuẩn bị và đưa ra một bản thuyết trình hiệu quả cho các chủ đề được giao từ trước liên quan đến công nghệ nghiệp vụ ngân hàng và cho đồ án học kì, cách thực hiện trình diễn demo các giải pháp nghiệp vụ ngân hàng trong đồ án học kì. Họ cũng được học cách viết các báo cáo tiểu luận ngắn gọn và báo cáo đồ án học kì.

45. INS3068 - Các quy trình và công nghệ thanh toán điện tử (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Mobile và công nghệ điện rộng (INS2062), Quản lí các hệ thống thông tin (INS3070)

Về kiến thức, học phần này trình bày một quan điểm duy nhất và tích hợp về bức tranh thanh toán / thanh toán điện tử, coi người tiêu dùng, kinh doanh và các khoản chi quy mô lớn như chuỗi liên tiếp. Học phần trình bày về sự thay đổi môi trường và phác hoạ tính năng động của thanh toán điện tử, giúp chúng ta hiểu khả năng cũng như giới hạn để thay đổi. Nội dung học phần bao gồm các phương thức chi trả cho cá nhân, tổ chức và ngân hàng, và tất cả sự hoán vị có thể của những loại này.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên được phát triển các kĩ năng trong việc cải thiện hiệu quả của các quá trình làm việc nhóm và các sản phẩm tạo ra (trong quá trình đó), trong chuẩn đoán các thay đổi trong kinh doanh, và trong triển khai thực hiện và duy trì các thay đổi trong kinh doanh. Họ cũng sẽ cải thiện được kĩ năng trình bày (chuẩn bị và đưa ra một bản thuyết trình hiệu quả về các chủ đề được giao từ trước) và kĩ năng viết (viết ngắn gọn các báo cáo tiểu luận và báo cáo đồ án học kì)

46. INS3071 – Thương mại mobile (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Mobile và công nghệ điện rộng (INS2062), Quản lí các hệ thống thông tin (INS3070)

Sau khi hoàn thành khóa học này, sinh viên sẽ có thể: Hiểu thêm về thương mại Mobile, việc sử dụng các thiết bị di động không dây để mua hàng hoá và dịch vụ; Tập trung vào các ứng dụng và dịch vụ di động-điện thoại; Thảo luận về giới hạn dữ liệu và màn hình hiển thị cho điện thoại di động điện thoại và làm thế nào cổng thông tin không dây hoạt động.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có thể phát triển hơn nữa sự hiểu biết về tầm quan trọng và kỹ năng áp dụng thương mại Mobile đối với các vấn đề thực tế trong các lĩnh vực kinh doanh và tài chính.

47. INS2065 – Các công nghệ dựa trên nền công nghệ thông tin (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INT1004 - Tin học cơ sở 2

Về mặt kiến thức, học phần giúp sinh viên có khả năng lựa chọn những thành phần phần cứng, hệ điều hành và ứng dụng phù hợp để triển khai hệ thống thông tin kinh doanh dựa trên nền công nghệ thông tin.

Các chủ đề nghiên cứu chính: tổng quan về công nghệ thông tin kinh doanh; những thành phần chính của hệ thống máy tính, chức năng, đặc tính và giá thành; bộ vi xử lý và hệ thống bộ nhớ, thiết bị ngoại vi, thiết bị lưu trữ, hệ điều hành; CNTT, chức năng, đặc tính và giá thành; hệ thống máy cá nhân và máy chủ, công nghệ mạng căn bản, các thiết bị xử lý di động; tương lai phát triển của CNTT trong doanh nghiệp.

Về kỹ năng và thái độ học tập, sinh viên có thể so sánh hiệu năng và/hoặc khả năng đáp ứng của các thành phần chính trong hệ thống máy tính, định danh các xu hướng mới nhất trong công nghệ máy tính và truyền thông, cũng như những ảnh hưởng của chúng đối với sự phát triển của hệ thống thông tin kinh doanh. Sinh viên cũng được trang bị kỹ năng phân tích yêu cầu, đánh giá một đề xuất cụ thể dựa trên những yêu cầu đặc tả, trình bày kết quả nghiên cứu thông qua báo cáo.

48. INS1005 - Phương pháp nghiên cứu trong CNTT (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành 2 (INS1017)

Học phần giới thiệu cho sinh viên một số nền tảng cũng như thực tiễn về bản chất của nghiên cứu; quá trình hình thành và làm sáng tỏ chủ đề nghiên cứu; cách thức bình luận nhận xét về một nghiên cứu; triết lý và các phương pháp nghiên cứu; việc hình thành thiết kế nghiên cứu trong lĩnh vực CNTT và liên quan.

Sinh viên được giải thích và thực hành về được việc thu thập và xử lý, phân tích dữ liệu định tính và định lượng; cách thức đề xuất dự án nghiên cứu, cũng như cách thức viết và trình bày báo cáo dự án nghiên cứu, báo cáo khoa học đúng quy chuẩn bằng tiếng Anh trong lĩnh vực CNTT và liên quan.

49. INS2059 - Lãnh đạo và xây dựng đội ngũ (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh chuyên ngành 2 (INS1017)

Về kiến thức, hoàn thành học phần này, sinh viên được phát triển các kiến thức cần thiết để lãnh đạo và xây dựng đội ngũ thành công. Học phần này giúp phát triển hiểu biết lý thuyết, đồng thời giúp nắm bắt được các kỹ năng và nội dung cần thiết để trở thành một nhà lãnh đạo chuyên nghiệp và hiệu quả. Đặc biệt, học phần cung cấp cho sinh viên các nguyên lý lãnh đạo và xây dựng nhóm làm việc, giúp sinh viên hoàn thiện khả năng ứng dụng các nguyên lý này vào tình huống thực tế. Học phần cũng xem xét, đánh giá và giải thích về lãnh đạo với tư cách là kiến trúc sư xã hội.

Về kỹ năng và thái độ, học phần cung cấp cho sinh viên các tình huống thực hành và thảo luận để phát triển các kỹ năng lãnh đạo và xây dựng đội ngũ, giúp sinh viên hoàn thiện hiểu biết về lãnh đạo và cách trở thành một nhà lãnh đạo có tính hiệu quả, hiểu được cách thức lãnh đạo thực hiện vai trò xây dựng các mối quan hệ có tính hiệu quả.

50. INS2022 – Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lý trong kinh doanh (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Pháp luật đại cương (THL1057)

Về kiến thức, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức căn bản về hoạt động kinh doanh trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và luật kinh doanh. Cụ thể, sinh viên nắm được: khái niệm và lý thuyết về đạo đức kinh doanh và những vấn đề về đạo đức trong kinh doanh; trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và môi trường; các luật liên quan tới bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và bảo vệ nhân viên; ô nhiễm môi trường gây thiệt hại kinh tế và sức khỏe cho cư dân địa phương.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên khả năng phân tích các trường hợp liên quan tới đạo đức kinh doanh của một doanh nghiệp và có thái độ đúng đắn với đạo đức kinh doanh và ý thức tuân thủ đạo đức trong kinh doanh.

51. SOC1050 - Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: **Không**

Về kiến thức, học phần với tư cách là một dẫn nhập về xã hội học cung cấp hiểu biết về các hiện tượng xã hội, kinh tế và chính trị. Học phần bao gồm một số chủ đề xã hội học quan trọng, như kiến thức, văn hóa, xã hội hóa, bất bình đẳng, đói nghèo, chủng tộc, quan hệ sắc tộc và các hệ thống chính trị. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải

có kiến thức tốt về các lý thuyết xã hội học chủ yếu và có khả năng áp dụng các lý thuyết đó vào việc phân tích có phê phán các vấn đề xã hội đương đại.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có năng lực vận dụng kiến thức vào giải thích, hiểu và đánh giá được các vấn đề xã hội trong cuộc sống và trong công việc, các khía cạnh xã hội của các vấn đề kinh tế; có kỹ năng sống và làm việc hòa hợp với môi trường xã hội; và có thái độ đúng đắn trong hành xử và giao tiếp trong xã hội.

52. INS3069 – Các hệ hỗ trợ ra quyết định (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Khai phá dữ liệu & phân tích kinh doanh (INS2061), Phân tích kinh doanh hỗ trợ quyết định (INS3063)

Sau khi hoàn thành thành công học phần này, sinh viên có thể mô tả được các dạng quyết định và các quá trình quyết định khác nhau, nắm được cách thức các hệ thống thông tin hỗ trợ các hoạt động của các nhà quản lý và ra quyết định quản lý. Sinh viên cũng học được cách phân biệt các hệ hỗ trợ quyết định (DSS) với các hệ thống thông tin quản lý (MIS) và hiểu rõ giá trị mà các hệ hỗ trợ quyết định mang lại cho kinh doanh, cũng như vai trò của các hệ hỗ trợ điều hành (ESS) trong việc trợ giúp các nhà quản lý cấp cao đưa ra các quyết định tốt hơn.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được tiếp tục phát triển nhận thức về vai trò của hệ thống thông tin trong việc trợ giúp ra quyết định nhóm hiệu quả hơn.

53. INS3074 - Các hệ thống thông tin toàn cầu (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Mô hình hóa và thiết kế hệ thống thông tin (INS3056)

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên hiểu rõ các yếu tố chủ đạo ảnh hưởng đến quá trình quốc tế hóa trong kinh doanh, có năng lực so sánh các chiến lược phát triển các hoạt động kinh doanh toàn cầu và giải thích được các hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động kinh doanh toàn cầu tới mức độ nào. Học phần cũng thảo luận những thách thức được đặt ra đối với các hệ thống thông tin toàn cầu và các giải pháp quản lý.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên sẽ được tiếp tục phát triển những hiểu biết cần thiết, về kiến thức cũng như kỹ năng, để phát triển các hệ thống thông tin quốc tế và những nhân tố thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tham gia vào môi trường cạnh tranh toàn cầu và áp dụng các nền tảng công nghệ hỗ trợ hiện đại.

54. INS3045 – An ninh mạng (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các nguyên lý an toàn thông tin (INS3062)

Học phần bao quát tất cả các khía cạnh của an ninh mạng và máy tính, cung cấp kiến thức tổng quan và chuyên sâu về các hình thức tấn công vào các hệ thống mạng và máy tính, các cơ chế phòng thủ cần thiết, và thậm chí cả các công cụ, khuyến nghị và kỹ thuật thực tiễn cho người dùng cuối để chống lại các tấn công an ninh. Yêu cầu tiên quyết chỉ là các kiến thức cơ sở về máy tính và mạng. Thông qua các bài giảng định hướng ứng dụng và các bài thực hành với các tình huống giả định gần với thực tiễn, môn học hướng tới mục tiêu chuẩn bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để vượt qua các thách thức an ninh. Các bài tập thực hành hướng dẫn sinh viên sử dụng các phần cứng, phần mềm, thiết lập các cấu hình mạng thích hợp với vai trò đảm bảo an toàn mạng và máy tính.

55. INS3073 – Kho dữ liệu và phân tích kinh doanh (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Phân tích kinh doanh hỗ trợ ra quyết định (INS3063)

Học phần này giới thiệu cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản và các ứng dụng mới của kho dữ liệu. Các chủ đề trong học phần này bao gồm (nhưng không giới hạn) lập kế hoạch kho dữ liệu, mô hình hóa, lập trình và triển khai phân tích kinh doanh Đặc biệt, vai trò của kho dữ liệu trong hỗ trợ kinh doanh thông minh và ra quyết định hiệu quả được nhấn mạnh thông qua hoạt động thực hành trong các phòng lab, triển khai các dự án và các trường hợp nghiên cứu cụ thể.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên được học cách giao tiếp hiệu quả và giả quyết xung đột khi làm việc trong các nhóm tự chọn với các thành viên có khả năng và thái độ khác nhau. Sinh viên cũng được học cách chuẩn bị và trình bày theo nhóm một bài thuyết trình có tính khoa học và hiệu quả về việc phát triển các ứng dụng của kho dữ liệu trong phân tích kinh doanh (như kế hoạch dự án, phân tích rủi ro, tiến trình của dự án ...). Về kỹ năng viết, sinh viên được học cách viết báo cáo chi tiết về kết quả cuối cùng (như mô tả chi tiết về thiết kế, kiến trúc hệ thống, động lực kinh doanh ...) và viết báo cáo về tiến độ thực hiện đồ án học kì.

56. INS3080 - Trí tuệ nhân tạo (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các hệ thống thông tin doanh nghiệp (INS3061)

Học phần này giới thiệu cho sinh viên về lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI) và nhấn mạnh tới việc áp dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sinh viên được huấn luyện để nhận

được các hiểu biết cơ bản và vững chắc về các chủ đề nền tảng khác nhau của AI, bao gồm: tìm kiếm, biểu diễn tri thức và suy luận, các hệ thống dựa trên các luật suy luận và học máy. Học phần này là một cơ hội để sinh viên khám phá các công nghệ dựa trên nền AI. Học phần cũng trình bày một cách tổng hợp về việc các kỹ thuật AI được các công ty tích hợp với các phương thức khác nhằm nâng cao chất lượng của các ứng dụng IT trong kinh doanh. Việc trình bày ngôn ngữ PROLOG hoặc một ngôn ngữ AI khác sẽ mang lại lợi ích cho sinh viên. Sau khi hoàn thành học phần sinh viên hiểu được mối liên hệ giữa kiến thức được học với các ảnh hưởng mà AI đem lại trong xã hội.

57. INS2015 - Tài chính căn bản (3 tín chỉ)

Quản lý doanh nghiệp đòi hỏi người quản lý phải có các kiến thức như: khái niệm về doanh nghiệp, loại hình và tổ chức của doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh, phương pháp quản trị tài chính, phân bổ vốn và kiểm soát doanh nghiệp.

58. INS3007 - Tài chính doanh nghiệp (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INS2015 - Tài chính căn bản

Về kiến thức, sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản, hiểu và vận dụng được các công cụ phân tích tài chính trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và đầu tư vào phân tích các vấn đề tài chính của doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan tới rủi ro tài chính, các thể chế tài chính, thị trường hoạt động hiệu quả, các thuyết đánh giá, thuyết tổ hợp đầu tư, các nội dung về nguồn vốn và chi phí nguồn vốn, tài chính quốc tế, các phương pháp quản trị tài chính, phân bổ vốn và kiểm soát tài chính một đơn vị.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề tài chính của một doanh nghiệp, tổ chức; nhận diện rủi ro và có thái độ đúng đắn với vấn đề rủi ro vốn; có thể quản lý nguồn vốn một cách khoa học từ khâu huy động, phân bổ đến quản lý nguồn vốn doanh nghiệp.

59. INS3029 – Thị trường và các thể chế tài chính (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INS2015 - Tài chính căn bản

Về kiến thức, sinh viên hiểu và phân tích được các vấn đề về tài sản, trách nhiệm pháp lý và quản lý vốn doanh nghiệp hoạt động trong môi trường năng động của ngành công nghiệp dịch vụ tài chính; định hình, đo lường, quản lý rủi ro trong và ngoài bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp do những thay đổi không lường trước của lãi suất, tỉ

giá hối đoái, giá cả hàng hoá; trò chơi mô phỏng doanh nghiệp tài chính; tìm hiểu về các loại thị trường tài chính và đặc điểm của từng loại thị trường.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên có thể phân tích, đánh giá được thị trường tài chính và đặc điểm của các thể chế tài chính, phân tích được ảnh hưởng của thị trường và các thể chế tài chính vào hoạt động quản lí tài chính của tổ chức nơi công tác.

60. INS3032 - Tài chính quốc tế (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INS2015 - Tài chính căn bản

Về kiến thức, sinh viên hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị tài chính toàn cầu hiệu quả; các nguyên tắc cơ bản của môi trường kinh tế vĩ mô trong quản trị tài chính quốc tế, thảo luận về môi trường tài chính, trong đó các công ti đa quốc gia và các nhà quản lí của nó hoạt động, cùng với quá trình quản trị ngoại hối và quản trị tài chính tại một công ti đa quốc gia. Sinh viên hiểu được sự ảnh hưởng của nhiều yếu tố bao gồm tỉ giá, quy tắc pháp lí, nghiên cứu thuế quốc tế tới các quá trình tài chính xuyên biên giới, định giá, quản lí rủi ro, tái cơ cấu và quyết định đầu tư; giải thích cách thức các công ti có thể tạo ra, đo lường, và duy trì giá trị xuyên quốc gia.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên khả năng phân tích các hoạt động tài chính quốc tế của đơn vị, có khả năng nghiên cứu và giải quyết các vấn đề tài chính quốc tế gặp phải một cách khoa học, hệ thống, có cơ sở, và phát triển nền tảng kiến thức tài chính từ các học phần trước lên tầm quốc tế.

61. FIB3005 - Đầu tư và quản lí danh mục đầu tư (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: INS2015 - Tài chính căn bản

Về kiến thức, sinh viên hiểu được các vấn đề cơ bản liên quan tới quản lí danh mục đầu tư và phân tích độ an toàn của danh mục đầu tư như các kiến thức về rủi ro, lợi nhuận, đánh giá mức độ an toàn, lý thuyết danh mục đầu tư và phân tích việc thực hiện đầu tư, quy trình xây dựng một danh mục đầu tư, các chiến lược đầu tư và các lý thuyết hiện đại về quản lí danh mục đầu tư v.v. Ngoài ra, sinh viên cũng hiểu được các kiến thức nền tảng về chứng khoán và quản lí danh mục chứng khoán, một dạng đầu tư tài chính đặc thù của nền kinh tế hiện đại.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức thu được từ học phần để nhìn nhận và đánh giá tổng quan một danh mục đầu tư, áp dụng các nguyên tắc quản trị rủi ro và quản trị danh mục đầu tư vào thực tiễn đầu tư của một tổ chức.

62. INS2003 – Nguyên lý marketing (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

Về kiến thức, sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức về marketing và quản trị marketing, tập trung vào mối quan hệ giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng thông qua hệ thống marketing hỗn hợp. Cụ thể, sinh viên hiểu bản chất và hành vi của các tổ chức cung cấp hàng hoá và dịch vụ, bản chất và hành vi của người tiêu dùng và các yếu tố cơ bản của marketing hỗn hợp (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến), cách thức các công ti sử dụng yếu tố này để thoả mãn nhu cầu và ước muốn của người tiêu dùng. Với phương pháp học tập dựa trên thảo luận lý thuyết và phân tích các tình huống điển hình trong marketing, sinh viên có khả năng phân tích và đánh giá cách thức triển khai marketing trong các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm và dịch vụ.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết cơ bản của marketing vào phân tích thị trường, phân tích hoạt động marketing của doanh nghiệp; có thể lập kế hoạch marketing cho một sản phẩm, dịch vụ cụ thể; và đặc biệt là việc quán triệt thái độ marketing trong thoả mãn khách hàng mục tiêu.

63. INS3041 – Chiến lược marketing (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Nguyên lý marketing (INS2003)

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến tính tự nhiên, vai trò và phương pháp để phát triển chiến lược tiếp thị, khái quát hoá và liên kết kiến thức trước đây về tiếp thị với kế hoạch tiếp thị chiến lược. Nội dung học phần nhấn mạnh sự phát triển và triển khai chiến lược tiếp thị để giải quyết các vấn đề kinh doanh của công ty trong môi trường kinh doanh nói chung cũng như mối liên hệ với các chức năng khác của công ty.

64. INS3042 - Marketing quốc tế (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Nguyên lý marketing (INS2003)

Về kiến thức, sinh viên hiểu được các khía cạnh cơ bản của hoạt động marketing quốc tế bao gồm định vị sản phẩm trên thị trường quốc tế, bản chất và các lực lượng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, hệ thống phân phối, các chính sách tín dụng và giá cả, các phương pháp khuyến mại, các rào cản thương mại, và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động marketing quốc tế như một số hiệp định thương mại quan trọng, môi

trường chính trị, luật pháp, kinh tế, văn hóa và những vấn đề đạo đức trong marketing quốc tế.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá và tham gia hoạch định chương trình marketing quốc tế, có khả năng nhìn nhận và đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề liên quan tới hiệu quả và tính khả thi của một chương trình marketing quốc tế phục vụ cho việc ra quyết định marketing của đơn vị.

65. BSA3014 - Marketing dịch vụ (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Nguyên lý marketing (INS2003)

Về kiến thức, sinh viên hiểu được vai trò của dịch vụ trong kinh doanh hiện đại, bản chất, đặc thù của dịch vụ và đặc điểm cơ bản của marketing dịch vụ, sự khác biệt so với marketing hàng hóa. Sinh viên cũng nắm được bản chất của chất lượng dịch vụ, hành vi của khách hàng cá nhân và tổ chức với dịch vụ, các mô hình quản trị dịch vụ như chuỗi giá trị dịch vụ và các mô hình marketing dịch vụ. Sinh viên cũng nắm bắt được cách thức sử dụng marketing dịch vụ để giữ khách hàng và tạo dựng chữ tín cho tổ chức.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên biết vận dụng kiến thức của học phần để thiết kế một chương trình marketing dịch vụ, biết xây dựng chất lượng dịch vụ theo quy trình, và cả các kỹ năng thuyết phục khách hàng để làm tăng hiệu quả bán hàng (dịch vụ).

66. BSA3012 – Nghiên cứu marketing (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Nguyên lý marketing (INS2003)

Học phần giúp cho sinh viên hiểu sâu hơn về các kiến thức cần thiết để thiết kế và thực hiện một đề án nghiên cứu thị trường, bao gồm: nhận diện và miêu tả chủ đề nghiên cứu, thiết kế các dự án nghiên cứu, nhận diện những nguồn dữ liệu, các kỹ năng nghiên cứu (định tính và định lượng), các kỹ năng lấy thông tin (thiết kết các hướng dẫn phỏng vấn, các bảng câu hỏi tổng hợp, các công cụ đo lường, lấy mẫu v.v, phân tích dữ liệu (các thước đo thông kê cơ bản và phân tích dữ liệu định lượng), báo cáo kết quả của nghiên cứu để đưa ra được quyết định trong marketing.

67. INS2050 – Các nguyên lý bất động sản cơ bản (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Kinh tế vi mô (INE1050), Pháp luật đại cương (THL1057)

Về kiến thức, sinh viên nắm bắt được các nguyên lý cơ bản khác nhau trong kinh doanh bất động sản như một công cụ để từ đó phân tích và hiểu rõ về các khái niệm và vấn đề liên quan đến ngành bất động sản. Sinh viên có thể áp dụng kiến thức được học phân cung cấp để thực hiện phân tích tài chính, đánh giá đầu tư tài sản nhà ở và tài sản thu nhập, phân tích rủi ro và lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính bất động sản đồng thời thông thạo các quy trình đầu tư đất đai và phát triển dự án.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên có khả năng nhận thức được quy trình đánh giá và sự đa dạng trong quan điểm liên quan đến các vấn đề hợp tác giữa các cá nhân nhằm phát triển và nâng cao nhận thức để hiểu rõ nhau hơn, chấp nhận nhau hơn và chia sẻ với nhau hơn nữa về các ý tưởng, để kiên nhẫn hơn trong việc tiếp xúc và có thái độ hỗ trợ, hiệu quả trong việc giải quyết các vấn đề của các thị trường bất động sản. Về kỹ năng tính toán và giao tiếp, sinh viên có thể trình bày được các ý kiến và khảo sát cá nhân về các vấn đề lý thuyết và thực tế hiện nay trong kinh doanh bất động sản.

68. INS3051 - Quản trị bất động sản (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các nguyên lý bất động sản cơ bản (INS2050)

Về kiến thức, học phần này trình bày cho sinh viên các nhiệm vụ của nhà quản lý hoặc doanh nghiệp quản lý bất động sản và sự khác biệt trong các phương pháp quản lý được các nhà quản lý nhà thương mại và nhà ở áp dụng. Cụ thể, các sinh viên được cung cấp các kiến thức về: Kinh tế học và Quy hoạch quản lý tài sản, Quản lý các mối quan hệ chủ sở hữu; Quản lý tiếp thị bất động sản; Quản lý cho thuê, Đàm phán cho thuê và các quan hệ người đi thuê; Quản lý xây dựng và bảo trì; Quản lý báo cáo và bảo hiểm; Quản lý văn phòng; Quản lý luật pháp nhà nước; Quản lý tài sản dân sự/nhà ở đặc thù/văn phòng/bán lẻ/công nghiệp; Quản lý các vấn đề về môi trường và an toàn đời sống.

Về kỹ năng và thái độ, học phần này sẽ giúp sinh viên tự chuẩn bị cho mình về việc làm hoặc hoạt động tương tác trong ngành bất động sản đồng thời nâng cao nhận thức và các kỹ năng cần thiết để có thể trở thành chuyên gia hoặc người tiêu dùng thành công trong lĩnh vực bất động sản.

69. INS3052 – Các thị trường vốn bất động sản (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các nguyên lý bất động sản cơ bản (INS2050)

Về kiến thức, học phần này trình bày rõ lý thuyết và các phương pháp phân tích để định giá thế chấp và các tài sản bảo đảm thế chấp. Học phần cũng đánh giá vai trò

của các thị trường vốn nhà nước và tư nhân trong việc thực hiện các hoạt động đầu tư trên thị trường bất động sản thương mại. Các chủ đề chính trong học phần này bao gồm: Tổng quan về các thị trường vốn bất động sản; Các nội dung cơ bản về thế chấp; Các vấn đề cơ bản về thu nhập cố định; Thị trường tài sản bảo đảm thế chấp; Các hình thức thanh toán trước thế chấp tùy chọn và các rủi ro mất khả năng thanh toán; Bảo hiểm thế chấp thương mại & tài sản bảo đảm thế chấp thương mại; Phân tích CMBS & tổng quan về thị trường REIT và thị trường bất động sản quốc tế.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích và sử dụng các nguồn dữ liệu về thị trường vốn bất động sản địa phương và quốc gia cũng như các thông tin kinh tế địa phương để có thể thành công trong ngành bất động sản; áp dụng kiến thức từ học phần cho nghề nghiệp liên quan tới bất động sản; thể hiện khả năng ứng dụng công nghệ trong kinh doanh bất động sản cũng như sự hiểu biết về việc cần thiết phải tiếp nhận và đổi mới để có thể giải quyết tốt các vấn đề, xử lý tốt các trường hợp ngoài dự tính và quản lý các môi trường khó dự đoán.

70. INS3053 – Bất động sản quốc tế (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các nguyên lý bất động sản cơ bản (INS2050)

Về kiến thức, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cách thức hoạt động của các thị trường quốc gia cụ thể và cách thức chúng liên quan đến nhau trong bối cảnh các thị trường bất động sản trở nên có tính quốc tế. Học phần cũng giúp sinh viên xác định và giải thích những điểm giống và khác nhau giữa các thị trường khác nhau, từ đó tạo ra cơ chế để giải thích làm thế nào mà các thị trường quốc gia khác nhau này hội tụ về một mối với nhau. Các chủ đề của học phần bao gồm: Nghiên cứu bối cảnh hóa các thị trường bất động sản quốc tế; Nghiên cứu lý thuyết hóa bất động sản quốc tế; Các thị trường đầu tư bất động sản quốc tế; Phát triển bất động sản quốc tế; Các dịch vụ bất động sản chuyên nghiệp quốc tế; Các thị trường bất động sản khu vực Châu Âu; Các thị trường bất động sản khu vực Bắc Mỹ; Các thị trường bất động sản khu vực Châu Á Thái Bình Dương; Hướng tới một thị trường bất động sản được quốc tế hóa.

Về kĩ năng và thái độ, sinh viên có khả năng nhận biết, phân tích và sử dụng các nguồn dữ liệu về thị trường vốn bất động sản địa phương và quốc gia cũng như các thông tin kinh tế địa phương để có thể thành công trong ngành bất động sản; áp dụng kiến thức từ học phần cho nghề nghiệp liên quan tới bất động sản; thể hiện khả năng ứng dụng công nghệ cũng như sự hiểu biết về việc cần thiết phải tiếp nhận và đổi mới

để có thể giải quyết tốt các vấn đề, xử lý tốt các trường hợp ngoài dự tính và quản lý tốt các môi trường đầu tư bất động sản.

71. INS3081 – Đầu tư bất động sản (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Các nguyên lý bất động sản cơ bản (INS2050)

Học phần trình bày tổng quan và phân tích về đầu tư bất động sản, đồng thời trang bị cho sinh viên kiến thức về các vấn đề phân tích đầu tư bất động sản bao gồm các phân tích đầu tư liên quan đến các loại hình bất động sản thương mại chủ yếu, ví dụ như các hình thức cho thuê, các hóa đơn tạm (chiếu lệ), và các phân tích về dòng tiền trước và sau thuế. Môn học này tập trung vào các hóa đơn tạm (chiếu lệ) để giúp sinh viên nắm được cách thức tính toán thu nhập hoạt động thuần, các dòng tiền trước và sau thuế và thu nhập từ hoạt động thụ hưởng đồng thời có thể đánh giá được tác dụng đòn bẩy phù hợp để sử dụng cho hoạt động đầu tư bất động sản. Sinh viên còn được cung cấp các kiến thức về các hoạt động đầu tư tài chính tài sản thương mại và phát triển bất động sản.

72. INS4001 - Thực tập thực tế (5 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Quản trị dự án CNTT (INS3044), Các hệ thống thông tin doanh nghiệp (INS3061)

Một điểm đặc trưng của Chương trình Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý là thực tập thực tế được tiến hành tại các cơ sở địa phương và quốc tế đã được thành lập. Chương trình thực tập thực tế giúp cho sinh viên có cơ hội khám phá các môi trường làm việc đa dạng trong nhiều ngành công nghiệp và ở các vị trí công việc khác nhau. Sinh viên cũng có thể được tiếp cận các kinh nghiệm làm việc tại nước ngoài và tiếp nhận các giá trị xuyên văn hóa sâu sắc hơn trong các hoạt động kinh doanh thực tế hay nghiên cứu khi đi thực tập thực tế.

Thực tập thực tế kéo dài ít nhất 12 tuần, trên cơ sở toàn thời gian. Thông thường, phần lớn sinh viên dành từ 14 tới 18 tuần cho thực tập thực tế. Trong trường hợp đặc biệt, sinh viên có thể được các tổ chức chủ quản mời tăng thêm thời gian thực tập lên tới đa tới 6 tháng. Trong các trường hợp như vậy, sinh viên có thể dành toàn bộ một kì học cho thực tập. Mặc dù được triển khai hoàn toàn trong một môi trường kinh doanh CNTT thực tế, thực tập vẫn là một cơ hội để sinh viên được thể hiện trong một hoạt động thực tế những gì họ đã được học, được khám phá các cơ hội nghề nghiệp, được vượt ra khỏi các giới hạn của chính họ và hiện thực hóa được toàn bộ tiềm năng của họ.

73. INS4011 – Khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Không

74. INS2024 – Chiến lược tổ chức (3 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Tổ chức và quản trị kinh doanh (INS2019)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết kiến thức cơ bản về chiến lược tổ chức: những vai trò và nguyên lý cơ bản trong chiến lược, quy trình phân tích và lựa chọn chiến lược, những cấp độ khác nhau trong chiến lược và chiến lược cơ bản. Học phần đồng thời sẽ giới thiệu sinh viên tới những công cụ quản lý chiến lược.

75. INS4010 - Phát triển các hệ thống thông tin nâng cao (2 tín chỉ)

Học phần tiên quyết: Thực tập thực tế (INS4001)

Về kiến thức, học phần này giúp nâng cao kiến thức về các chủ đề công nghiệp và nghiên cứu có liên quan đến việc phát triển các hệ thống thông tin thông qua việc xem xét, đánh giá các khái niệm và kỹ thuật phát triển hệ thống thông tin đã được thiết lập trước đây cũng như sắp tới.

Các chủ đề chính bao gồm: Các vấn đề về quy trình phát triển hệ thống thông tin; Kiểm thử; Quản trị dự án; Mô hình hóa hệ thống nâng cao; Các mô hình kỹ nghệ phần mềm hiện đại.

Về kỹ năng và thái độ, sinh viên học được cách xem xét và đánh giá các mô hình kỹ nghệ phần mềm đã được thiết lập trước đây (như Hướng đối tượng) và so sánh chúng với các mô hình kỹ nghệ phần mềm mới (như Hướng tác nhân); xác định được các giải pháp cho các vấn đề liên quan; trao đổi một cách hiệu quả các ý tưởng của mình; và trình bày các kết quả công việc với một cách thức chuyên nghiệp.

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2020

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa vào một trong các phương thức: (1) kết quả bài thi THPT quốc gia năm 2020; (2) chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge, Anh (chứng chỉ A-Level); (3) kết quả kỳ thi chuẩn hoá đánh giá năng lực trên giấy của tổ chức College Board, Educational Testing Service (SAT) còn hiệu lực và (4) các trường hợp xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT và của ĐHQGHN.

*Điều kiện xét
tuyển:*

1. Tốt nghiệp THPT và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Đối với thí sinh có kết quả thi THPT quốc gia năm 2020: điểm theo tổ hợp các môn (1) Toán, Vật lý, Hóa học (khối A00); (2) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (khối A01); (3) Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ (khối D01, D03, D06); (4) Toán, Khoa học xã hội, Ngoại ngữ (khối D96, D97, DD0) đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định. Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 trở lên hoặc tương đương được quy đổi sang thang điểm 10 để xét tuyển theo tổ hợp.

- Đối với thí sinh có chứng chỉ A-Level còn hiệu lực: có điểm chứng chỉ A-Level của tổ hợp kết quả 3 môn theo các khối thi quy định của ngành đào tạo tương ứng (A00, A01, D01, D03, D06, D96, D97, DD0) đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương đương điểm C, PUM range $\geq$ 60).

- Đối với thí sinh có chứng chỉ SAT còn hiệu lực: có điểm của tổ hợp kết quả 2 môn Toán, Đọc-Viết kết hợp đạt từ 1100/1600 điểm hoặc 1450/2400 trở lên (còn giá trị sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi). Mã đăng ký của ĐHQGHN với Tổ chức thi SAT (The College Board) là 7853-Vietnam National University-Hanoi, thí sinh phải khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT.

2. Điều kiện đầu vào về trình độ tiếng Anh:

- Sau khi trúng tuyển nhập học, để được đăng kí học các học phần thuộc khối kiến thức ngành, sinh viên phải có trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt IELTS 5.5 hoặc bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Miễn điều kiện tiếng Anh đầu vào nói trên đối với các thí sinh có các chứng chỉ còn hạn sử dụng tương đương IELTS 5.5; hoặc bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương; hoặc có chứng chỉ A-Level, hoặc có kết quả SAT đạt điểm trúng tuyển trở lên.

- Sinh viên chưa đạt trình độ tiếng Anh theo yêu cầu được xét vào học chương trình đào tạo tiếng Anh dự bị tại Khoa (cùng với một số học phần khối kiến thức chung) trong năm học thứ nhất để đủ trình độ học tập và thi lấy chứng chỉ tiếng Anh.

*Chính sách
ưu tiên:*

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và Hướng dẫn tuyển sinh của ĐHQGHN

Xét tuyển thẳng đối với:

- Thí sinh là người nước ngoài (xét tuyển theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/12/2017 của Giám đốc ĐHQGHN).

- Học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN được xét tuyển thẳng và xét tuyển vào các chương trình đào tạo đại học tại Khoa Quốc tế phải

tốt nghiệp THPT, có hạnh kiểm 3 năm học THPT đạt loại Tốt và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a. Là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic/thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;
- b. Đạt giải chính thức kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c. Đạt giải chính thức kỳ thi thường niên Olympic chuyên Khoa học tự nhiên bậc THPT;
- d. Là thành viên chính thức đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp quốc gia;
- e. Là học sinh giỏi trong cả 3 năm THPT, tổng điểm 4 bài thi/môn thi tốt nghiệp THPT đạt tối thiểu 28 điểm (không có điểm bài thi/môn thi xét tốt nghiệp nào dưới 5,0 điểm.)

Học sinh đạt một trong các tiêu chí quy định tại điểm a, b, c, d, e trong các năm học ở bậc THPT được bảo lưu kết quả khi xét tuyển thẳng và xét tuyển vào bậc đại học tại Khoa Quốc tế, ĐHQGHN.

- Học sinh một số trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (không phải là 2 trường THPT chuyên của ĐHQGHN) được đăng ký xét tuyển thẳng và xét tuyển nếu đáp ứng các yêu cầu như đối với học sinh THPT chuyên thuộc ĐHQGHN và phải đáp ứng tiêu chí sau: Là học sinh thuộc trường THPT chuyên có trong danh sách các trường THPT chuyên được Khoa Quốc tế dành chỉ tiêu xét tuyển thẳng và xét tuyển.

- Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS từ 6.5 trở lên hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương (theo quy định cụ thể của ĐHQGHN) (chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi) và có tổng điểm 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển đạt tối thiểu 12 điểm (trong đó bắt buộc có môn Toán).

- Thí sinh đạt các điều kiện tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Ưu tiên xét tuyển: đối với học sinh tốt nghiệp THPT trong năm tuyển sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh hoặc cấp ĐHQGHN có môn thi phù hợp với ngành/chương trình đào tạo và đồng thời đáp ứng điều kiện: đạt lực học loại giỏi liên tục trong 3 năm học bậc THPT; đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo và các điều kiện khác được quy định trong đề án tuyển sinh.

Chỉ tiêu: theo quy định của Bộ GD-ĐT và của ĐHQGHN (2%)

- Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và công bố kết quả xét tuyển thẳng: theo quy định của Bộ GD-ĐT và ĐHQGHN

HỌC PHÍ

Thu bằng tiền Việt Nam, cụ thể như sau:

Chương trình Hệ thống thông tin quản lý: Tổng chi phí toàn bộ khoá học: 167.868.000 VNĐ (tương đương 7200 USD)

Học phí đóng theo học kì, tùy thuộc vào số tín chỉ đăng kí trong mỗi học kì của sinh viên. Học phí thông báo trên không bao gồm học phí học chương trình tiếng Anh dự bị.

Mức học phí quy đổi được điều chỉnh theo tỉ giá hối đoái niêm yết bởi Vietcombank tại thời điểm thu.

Mức học phí nêu trên là không thay đổi trong toàn bộ khoá học của sinh viên.

LỢI THẾ KHI THEO HỌC

- Các chương trình đào tạo của Khoa Quốc tế do ĐHQGHN cấp bằng, trong đó có chương trình cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý là các chương trình đào tạo bằng tiếng Anh chất lượng cao theo đặc thù đơn vị. Chương trình đào tạo này được xây dựng theo chuẩn đào tạo của các trường đại học nước ngoài uy tín.

- Sinh viên theo học ngành Hệ thống thông tin quản lý tại Khoa Quốc tế được:

+ Học tập và nghiên cứu trực tiếp hoàn toàn trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, thành thạo ngoại ngữ; tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài;

+ Có giảng viên nước ngoài trực tiếp giảng dạy 20 – 25% các học phần chuyên ngành;

+ Đăng ký học để lấy bằng cử nhân thứ 02 tại ĐHQGHN: Sau khi hoàn thành tối thiểu 2 học kỳ tại Khoa Quốc tế, sinh viên của Khoa có thể đăng ký học đồng thời chương trình đào tạo thứ 2 tại Khoa Luật – ĐHQGHN (ngành Luật kinh doanh) hoặc tại Trường ĐH Ngoại ngữ – ĐHQGHN (ngành ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ Nhật Bản, ngôn ngữ Hàn Quốc).

+ Công nhận tương đương kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ khi đăng ký học chuyển tiếp tại các trường đại học uy tín nước ngoài theo quy định của Khoa Quốc tế như trường ĐH Canberra, trường ĐH Macquarie (Úc), trường ĐH Heriot-Watt và trường ĐH Huddersfield (Anh), trường ĐH Missouri State (Mỹ), và trường ĐH Chienkuo (Đài Loan);

+ Tiếp cận nguồn học liệu bằng tiếng Anh phong phú tại Khoa Quốc tế (13.000 đầu sách giáo trình và sách tham khảo bản quốc tế, dịch vụ tư vấn và tập huấn kỹ năng học

tập, nghiên cứu từ hệ thống Thư viện truy cập mở hiện đại của Khoa Quốc tế) và của ĐHQGHN (128.000 tài liệu và các CSDL học thuật trực tuyến bằng tiếng Anh từ Trung tâm Thư viện ĐHQGHN); nguồn học liệu điện tử của các trường đối tác nước ngoài;

+ Tham gia hoạt động ngoại khóa, kỹ năng mềm; có cơ hội thực tập, trải nghiệm thực tế ở các công ty, tập đoàn; tham gia các dự án khởi nghiệp thông qua các câu lạc bộ văn hóa và chuyên ngành, hệ thống dịch vụ tư vấn học tập và hướng nghiệp, mạng lưới Alumni, các hoạt động của Đoàn thanh niên của Khoa Quốc tế;

+ Làm việc, giao lưu, học hỏi cùng các sinh viên quốc tế đến từ mạng lưới các trường đại học đối tác của Khoa Quốc tế;

+ Nhận trong số hơn 10 loại học bổng (lên tới 300 triệu/khóa học) dài hạn, ngắn hạn, và hỗ trợ học tập cho các sinh viên dựa điểm xét tuyển đầu vào, các trường hợp tuyển thẳng, các sinh viên có thành tích học tập rèn luyện xuất sắc, và sinh viên nước ngoài học tập tại Khoa;

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên:

+ Được trang bị tri thức, tự tin, chuyên nghiệp, ngoại ngữ thành thạo và khả năng thích nghi để làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc hội nhập và nhiều thách thức;

+ Có cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, đặc biệt có ưu thế làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế;

+ Có văn bằng tốt nghiệp có giá trị toàn cầu để tiếp tục học tập ở bậc đào tạo cao hơn tại nước ngoài.

TL. CHỦ NHIỆM KHOA
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Mai Anh